

# VÀI TÀI LIỆU MỚI VỀ PETRUS KEY (TRƯƠNG VĨNH KÝ) (1837-1898)(\*)

Vũ Ngự Chiêu, Ph.D., J.D.

*Pétrus Key (sau này trở thành Trương Vĩnh Ký) thường được ca ngợi là một học giả lớn miền Nam. Ông có công quảng bá loại tiếng Việt mới, tức quốc ngữ hiện nay mà các giáo sĩ Portugal và Espania đã sáng chế vào thế kỷ XVII.*

*Tuy nhiên, Petrus Key cũng đóng một vai trò đáng kể trong cuộc xâm lăng Việt Nam của Pháp. Ông là một trong những thông ngôn người Việt đầu tiên hợp tác với Pháp, bên cạnh những giáo sĩ thuộc Hội Truyền Giáo Hải Ngoại đã tiếm phục trong vương quốc Đại Nam từ nhiều thế kỷ--đặc biệt là các Giám Mục và giáo sĩ Đàng/Đường Trong Nam như Dominique Lefèbre, Henri Borelle, v.. v...*

*Cấp chỉ huy Pháp đầu tiên mà Petrus Key phục vụ là Hải quân Trung tá Jean Bernard Jauréguiberry, Chỉ huy trưởng Sài Gòn từ tháng 3/1859 tới tháng 4/1860, người sau này lên tới chức Bộ trưởng Hải quân & Thuộc địa. Sau đó, Petrus Key làm việc liên tục cho Soái phủ Sài Gòn và chính phủ Bảo hộ Pháp tới trước ngày nhắm mắt.*

*Hầu hết các tư liệu Pháp đều công nhận Petrus Key là một “khai quốc công thần” của nền Bảo hộ Pháp, không những tại Nam Kỳ, mà còn trong toàn cõi Đông Dương. Năm 1876, chẳng hạn, Petrus Key làm một chuyến viễn du Bắc Kỳ, cung cấp tài liệu tại chỗ cho Đề Đốc/Thống đốc Charles Duperré (1/12/1874-31/1/1876, 7/7/1876-15/10/1877) mưu chiếm miền Bắc, nhưng kế hoạch này không được Paris chấp thuận.*

*Ngày 28/10/1885, Bộ trưởng chiến tranh Pháp tiến cử Petrus Ký với Roussel de Courcy. (Ngày 31/12/1885, de Courcy cho biết Ký từng dính líu vào việc hải tặc Tạ Văn Phụng/Phượng và Peine Sieffert, xuất bản năm 1879 và 1880 ở Sài Gòn; 10H xxx [43]).*

*Yêu cầu de Courcy giữ bí mật những cảm nghĩ của Puginier. (12 trang; ASME [Paris], vol. 816, tr.46ff).*

*Năm 1886, “ân sĩ” Hàn lâm viện thị giảng đại học sĩ Petrus Key ra Huế, làm tham biện trong Cơ Mật Viện để huấn luyện vua Nguyễn Phước Biện (19/9/1885-28/1/1889), niên hiệu Đồng Khánh, biết đồng hóa quyền lợi bản thân với quyền lợi Đại Pháp--tức tách biệt Bắc Kỳ ra khỏi ảnh hưởng*

*Huế, đổi lại, được phần nào tự trị trong các tỉnh còn lại của Trung Kỳ, từ Thanh Hóa vào Bình Thuận; và chiêu mộ các lãnh tụ Cần vương về hàng dưới chiêu bài “an phủ.” (ĐNCBLT, VI, IX, (1977), 37:1885-1886, tr 168, 177)*

*Nhờ vậy, được Tổng Trú sứ Paul Bert ân thưởng Đệ ngũ đẳng Bảo quốc Huân chương, một loại huân chương cao quý mà bao công dân Pháp thêm muốn.*

*3/6/1886: Thành lập chức Kinh lược Bắc Kỳ. Nguyễn Trọng Hợp, rồi từ năm 1887, Cần Chánh Điện Đại Học sĩ Nguyễn Hữu Độ (1833-1888)—thân tín của Giám Mục Paul Puginier và Trần Lục, từng được ban thưởng Đệ Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương—làm Kinh Lược, nhận lệnh Thống sứ Bắc Kỳ [Tonkin]. (ĐNCBLT, VI, IV-VII, (1977), 37:1885-1886, tr 170-171, 196-197, 200-204, 301-302, 306-307)*

*Năm 1888, Petrus Key cũng được sử dụng vào kế hoạch điều đình với Xiêm La để sát nhập vương quốc Lào vào lãnh thổ Liên bang Đông Dương thuộc Pháp [L'Union d'Indochine française].*

*Dưới thời Pháp thuộc, Petrus Key còn được coi như “nhà văn hóa lớn” của nền quốc ngữ mới qua một số tác phẩm “đồ sộ”. Thực ra, toàn bộ công trình văn hóa của Petrus Key chẳng có gì khác hơn những bài giảng dạy tại trường Thông ngôn Pháp ở Sài Gòn, kể cả vài tự điển loại bỏ túi và hai cuốn “cổ tích” bằng Pháp ngữ mang tựa Cours d'histoire annamite [Bài giảng sử An Nam] dành cho các trường tiểu học ở Nam Kỳ thấp (1875-1877 [1879]). Ngoài ra, Petrus Key còn có thời gian phụ trách tờ Gia Định Báo, cơ quan tuyên truyền bằng tiếng Việt dựa trên chữ cại Latin của Soái phủ Sài Gòn, và tự chủ trương tờ Thống Loại Khóa Trình, một thứ học báo dùng làm sách giáo khoa cho các học sinh tiểu học Nam kỳ.*

*Dưới thời Pháp thuộc, tên Petrus [Trương Vĩnh] Ký được dùng đặt cho tên một trường Bảo hộ Pháp lớn nhất miền Nam ngay tại Sài Gòn. Sau ngày Pháp tái chiếm miền Nam, và cho tới năm 1975, trường Petrus Ký vẫn là một trường trung học công lập danh tiếng miền Nam. Để biện minh cho việc lấy tên Petrus Ký đặt tên cho ngôi trường từng đào tạo hàng chục ngàn nhân tài này, người ta vờ vẽ ra hàng trăm giai thoại về sự tài giỏi, thiên tài về ngôn ngữ, v.. v... của Petrus Key, khiến khó biết chi tiết nào thực, chi tiết nào giả.*

*Trong dịp nghiên cứu tại Paris từ năm 1996 tới 2000, chúng tôi phát hiện được một số tư liệu có thể giúp đóng góp về việc tìm hiểu và tái dựng lại cuộc đời và sự nghiệp Trương Vĩnh Ký.*

1. Thứ nhất, người mà chúng ta biết như Pétrus Ký hay Trương Vĩnh Ký, Pétrus Trương Vĩnh Ký, hay Pierre J.B. Trương Vĩnh Ký hiện nay thoát tiên chỉ xuất hiện với cái tên ngắn ngủi “Petrus Key,” hoặc “chú Ký.”

a. Có ba tài liệu giúp khẳng định Petrus Key là Trương Vĩnh Ký sau này.

(1) Tài liệu thứ nhất là thư Petrus Key gửi cho Hải Quân Trung tá Jean Bernard Jauréguiberry vào tháng 3/1859.

Đây là lá thư ra mắt của Petrus Key với Jauréguiberry và quan tướng Pháp, ca ngợi công ơn binh đội Pháp như những thiên thần được Thượng đế gửi xuống cứu giúp giáo dân Ki-tô Việt Nam. (Đã công bố trên nguyệt san Quốc Dân năm 1996, và tâm bút Paris Xuân 1996 (1997) tr 66-74) Năm 2015=2016, chúng tôi công bố nguyên văn thư trên trong Nhục Hận Biển Đông Nam Á: Kiện hay Không Kiện?, (NXB Hop Luu, Amazon phát hành), Phụ Bản 4, tập I, tr 354-375, tập III, tr 363-382.

(2) Tài liệu thứ hai là danh sách phái đoàn thông ngôn của Soái phủ Pháp, dưới quyền Trung tá Henri Rieunier, được cử tháp tùng sứ đoàn Phan Thanh Giản qua Pháp và rồi Espania vào tháng 7 năm 1863

Danh sách này xếp chữ typo, với phụ chú chữ Hán ở phía tay trái, và có chữ ký chứng thực của Rieunier. Phần sắp chữ typo, chỉ đề tên “Petrus Key, Giáo sư trường Thông ngôn.” Phần chữ Hán, có thêm chi tiết: nhất đẳng thông ngôn Trương Vĩnh Ký. (Trích đăng trong Chính Đạo, Hồ Chí Minh: Con người & Huyền thoại, tập I (1997); & Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối nhà Nguyễn, tập I (1999), tr 297)

(3) Tài liệu thứ ba là bản dịch thư sứ đoàn Việt gửi “Phó vương” Alexandrie, cảm tạ sự tiếp đón nồng nhiệt sứ đoàn.

Dưới bản dịch Pháp ngữ này có chữ ký **Petrus Trương Vĩnh Key**; và lời thị thực của Trung tá Rieunier.

(4) Mới đây, trong dịp làm việc tại Kho Lưu Trữ Quốc Gia 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi được tham khảo thêm một số tài liệu về việc mua bán sách của Petrus Key trước và sau ngày ông từ trần.

(\**) Tác giả giữ bản quyền. Triệt để cấm in lại các tài liệu nếu không được sự chấp thuận của tác giả.*

## TÀI LIỆU I

### Thư ra mắt Đại Nguyên Soái (Grand Chef) Pháp

Tháng 3/1859, Petrus Key viết thư ra mắt Đại Nguyên Soái (Grand Chef) Pháp [tức “phalangsa” trước 1882], van nài hạm đội Pháp hãy tấn công

ngay các thành trì miền Nam để giải phóng giáo dân Ki-tô và dân tộc Việt dưới ách cai trị chuyên chế, bạc đãi giáo dân của nhà Nguyễn.

Vì lý do kỹ thuật, phóng ảnh của tài liệu lịch sử trên không được toàn vẹn (có một số từ rất khó đọc).

Luật sư Trần Thanh Hiệp tóm lược nội dung thư như sau:

Thư Petrus Key có thể chia làm 3 điểm:

1. Petrus Key đã nhân danh một người che chở, bảo vệ cho tất cả Giáo dân Ki-tô cầu cứu hạm đội Pháp như các tông đồ kêu cứu Chúa và Chúa đã gửi xuống những Samson, Moise, Joseph để cứu khổ, cứu nạn. Petrus Key đã nói những lời van nài (supplications) thật sự, của những nạn nhân bị đàn áp một sống, mười chết. Để được ứng cứu, Petrus Key đã hết lời ca ngợi hạm đội Pháp vượt qua bao khó khăn trên bước viễn chinh để đến Việt Nam, và Petrus Key rất mong sự ra tay của binh lực Pháp.

2. Để giải thích lời kêu gọi cấp cứu của mình, Petrus Key đã mô tả thảm cảnh căm đao, giết đao đang diễn ra, giáo dân “như đàn cừ non giữa đám sói tham mồi,” hàng ngày tính mạng bị đe dọa, bị đặt vào thế phải lựa chọn ở khắp các ngã đường, giữa “bước qua thánh giá” hay bị chết chém. Đó là chưa kể việc còn nhiều đe dọa đối với an ninh bản thân, tính mạng của giáo dân, bị theo dõi ngày cũng như đêm, tên tuổi bị niêm yết khắp nơi, bị quan quân tróc nã, tra hỏi, xét xử, đánh đập, giam cầm. Trong vòng vây nghiệt ngã ấy, Petrus Key đã không thể liên lạc được với binh lực Pháp nên chỉ còn biết chờ đợi được giải vây.

3. Petrus Key cho người Pháp biết rằng nội bộ quan quân của triều đình rất rối ren. Quan quân rất sợ binh lực Pháp. Lính hàng ngày bỏ trốn nếu có cơ hội. Dân chúng hoang mang, oán trách quan quân gây chiến, chỉ mong có hoà bình để được sống yên ổn. Bởi vậy binh lực Pháp không nên trì hoãn nữa. “Hãy thương xót chúng tôi,” “Hãy giải phóng chúng tôi khỏi nanh vuốt kẻ thù,” đó là những lời kêu cứu của người viết thư!

## Lược Dịch

Kính gửi Đại quan (Ông chủ lớn)

Và các sĩ quan tôn kính của Đoàn Chiến Hạm Pháp Quốc,

Đáng lẽ tôi không được phép viết thư cho một người giữ chức vụ cao quý như Ngài; nhưng khi cái chết đang đe dọa từng bước chân, khi những hiểm nguy dồn dập đang vây quanh chúng tôi khắp nơi, tôi tin chắc rằng tấm lòng độ lượng của Ngài sẽ miễn thứ cho tôi được gửi đến Ngài những dòng chữ này. Tôi không dám hành động do lòng kiêu căng vô lối mà chỉ do sự dẫn dắt của ích lợi chung, và những hiểm nguy đang bao vây chúng tôi đã thúc đẩy tôi có hành động này.

*Thuở xa xưa, khi các tông đồ bị bão tố dòi đẩy, đã van xin một cách tin tưởng với Thượng đế An lành “Hãy cứu chúng con, chúng con đang bị đắm chìm.” Nhưng nhu cầu khẩn thiết bất chấp các luật lệ. Mảnh giấy thô thiên này, lá thư vụng viết này sẽ trình bày rõ với Ngài hoàn cảnh thật khốn khổ của tôi; thực ra, ở đây, dọc đường đi, tôi chẳng có gì trên người, không giấy, không tài liệu, không cả nghiên mực đàn hoàng, không ngòi bút thích hợp. Nhưng tôi xin nhân danh làm người đại diện cho các đạo hữu Ki-tô, dâng lên Ngài những lời than van của chúng tôi; tôi xin kể cho Ngài nghe tất cả nỗi đau khổ và bạo tàn mà chúng tôi phải gánh chịu dưới ách chuyên chế của bọn quan lại, vì quý Ngài là những người báo thù cho sự Tự do cho chúng tôi, vì quý Ngài là sứ thần của Thượng Đế, trong cõi nước Chúa, đã được Chúa lựa chọn để giải cứu chúng tôi khỏi bàn tay của kẻ thù chúng ta, giống như trước đây Chúa đã sai Samson đi rửa hận cho dân tộc ông ta, hay đã sai Moise đến giải phóng dân Israel (Do Thái) khỏi lao tù Egypt (Ai Cập), hay đã phái Joseph đến giới thiệu ngôi nhà của Jacob trong những cánh đồng bình an ở Channan....*

*Chiêm nghiệm sự thụ mệnh Thượng Đế, nhìn lại biết bao đại dương Ngài đã vượt qua, biết bao xứ và vương quốc Ngài đã đặt chân, biết bao mối hiểm nguy, trên đất liền cũng như ngoài biển cả, để đến được với chúng tôi, chúng tôi có một niềm tin và hy vọng sẽ được Ngài bảo vệ. Hiện nay, chúng tôi giống như bầy cừu non giữa đàn chó sói đói mồi; sự chết truy đuổi không ngừng; sự khủng bố dây phủ chón cư ngụ; và lưỡi gươm chờ trực trước cửa. Giữa bầu không khí sợ hãi triền miên đó, giữa những nguy hiểm bất tận đó, trợ lực duy nhất của chúng tôi là hy vọng vào Ngài. Chiến dịch bài đạo ngày càng gia tăng, nơi đâu cũng có đặt Thập tự Giá dưới bước chân của chúng tôi, và [quan binh] căn cứ trên thái độ kính mến hay khinh bỉ Thập tự Giá mà nhận diện chúng tôi; những tòa án chờ đợi chúng tôi ở mọi ngã đường. Chúng tôi ngã xuống, chết vì những đòn vọt; chúng tôi bị vát vào ngục thất để chờ chết. Ngày thì phải lo việc sưu dịch nặng nhọc, ban đêm thì phải canh gác bảo vệ an ninh làng xóm, và thật ít khi có được giấc ngủ. Họ tên chúng tôi bị niêm yết trên những bản cáo thị, ngày đêm bị kiểm soát, không phút giây xao lãng. Tôi còn biết nói gì hơn...? Ngày và đêm trĩu nặng u tư. Lưỡi dao của đao phủ đe dọa. Trước mắt là hồ thẳm, sau lưng đàn sói! Và chúng tôi kẹt giữa ngục đá và sự tử đạo dưới lưỡi dao đang dơ cao. Nhiều nhà truyền giáo đang bị giam cầm trong ngục thất và rất nhiều đạo hữu Ki-tô đang ở trong tay kẻ thù. Hôm qua, văn thư của các quan lại lưu truyền khắp các làng mạc, cho lệnh tăng cường thêm từ 10 tới 20 người cho các toán lính chịu trách nhiệm lùng bắt tín đồ của Chúa; và đã có nhiều người đang phải rên xiết dưới gông cùm trong tòa thành mà người ta mới dựng lên gần cầu Tham Lương. – Tất cả*

chúng tôi chắc sẽ chịu chết nếu Ngài không kịp đánh đuổi kẻ thù của chúng ta. Đây là tình trạng khôn khổ mà chúng tôi đang sống; tinh thần chúng tôi trôi nổi bấp bênh; mối sợ hãi và lo lắng làm héo mòn và tiêu tán dần con người của chúng tôi. Chẳng còn sự nghỉ ngơi thân xác! Chẳng còn được sự an bằng tinh thần! Thật đúng vậy! Bụng dạ đâu mà nhai nuốt, hay cách nào thường thức sự êm ái của chiếu nằm khi con người luôn luôn thấy lưỡi gươm đang treo trên đầu họ?... Phần tôi, kẻ nô bộc hèn mọn của Ngài, đang nôn nóng tìm gặp Ngài, đã buộc phải dừng lại sau khi đã đi được ba phần tư chặng đường, sau khi đã đổi ngựa và người để đi cho đến đích cuối của cuộc hành trình. Các đồn binh được dựng lên khắp mọi nơi, những cuộc khám xét thường xuyên dài theo các trục lộ mà tôi phải vượt qua, và tôi như một con cá đang lội trong một dòng sông khô cạn, chẳng còn phương tiện để tiếp tục. Tôi đã cố gắng vượt qua rừng rậm, đồng ruộng, đồi núi và bình nguyên để đến với Ngài, dù khó khăn cách nào đi nữa chẳng quản ngại, mà cũng không được. Chỉ đành biết chờ đợi các vũ khí vô địch của Ngài đến giải cứu tôi. Trên đây là những nỗi khó khăn của chúng tôi, mà theo chỗ tôi hiểu, có lẽ Ngài không phải không biết đến. Nếu trái tim Ngài chưa khép kín sự Bác ái mà Chúa Jésus Christ đã từng rao giảng, để làm tròn sự mong đợi của Giáo hội, thì xin Ngài hãy mở rộng bàn tay cứu giúp, giương rộng cánh tay đầy quyền năng, và Ngài sẽ xứng đáng với Chúa và Giáo hội. Rất đông [quân địch] đang bao vây Ngài, nhưng Ngài sẽ chế ngự được họ không mấy khó khăn. Vì sự sợ hãi đã xâm chiếm kẻ thù của chúng ta và làm cho họ không dám đến gần. Tôi đã thấy những đám lính đào ngũ, và đã nghe tin đồn rằng trong quân đội, từ cấp chỉ huy đến tên tiểu tốt, hầu hết đều nói rằng mặc dù có lệnh quan, họ neo thuyền giữa giòng sông để nếu cần sẽ lội thoát thân. Cả dân tộc, kể cả kẻ ngoại đạo, đang rên xiết và đòi hỏi hòa bình với những lời thăm thương. Họ nói: “Nếu vì quyền lợi vương quốc thì họ phải cho chúng ta thấy có một ông vua đem lại sự thái bình cho chúng ta, chấm dứt những công việc khổ nhọc... mà các quan lại đòi hỏi để phục vụ chiến tranh – Tại sao lại phải làm việc không công suốt ngày? Ai muốn ngồi trên ngai vàng cũng được miễn là họ làm nhẹ được gánh nặng của chúng tôi?” Xin đừng chân chừ nữa, xin mở rộng bàn tay giải phóng của Ngài để chấm dứt những nỗi cơ cực của dân tộc chúng tôi. Sự quang vinh và danh dự của Ngài đòi hỏi Ngài phải làm, những mối ưu khổ của chúng tôi cũng đòi hỏi Ngài phải làm nhiệm vụ đó. Và các thế kỷ sau sẽ nói đến chiến công của Ngài, sự tưởng nhớ Ngài sẽ không bao giờ phai, những lời tán dương về Ngài sẽ lưu truyền trong lịch sử Giáo hội, và tên Ngài sẽ được tôn vinh đời này qua đời khác, và quan trọng hơn cả là Ngài sẽ xứng đáng sống đời đời trên cõi Trời, cuộc sống hằng cửu, mà người thường khó đạt được.

*Hãy thương xót chúng tôi. Hãy thương xót chúng tôi. Quý Ngài là những nhà giải phóng của chúng tôi và bàn tay của kẻ thù đã xâm phạm đến chúng tôi! Than ôi! Người đi giày biết rất rõ chiếc giày thốn đau ở chỗ nào. Chúng tôi cũng biết là “Kẻ nào ôm đồm quá nhiều thì giữ không được chặt.” Nhưng những nỗi khổ đau của chúng tôi đã khiến chúng tôi phải kêu cứu đến quyền lực của Ngài và đệ trình lên Ngài, tự đáy lòng của chúng tôi, tất cả những sự việc kể trên mong chờ sự thiện trọng và minh triết của Ngài phán đoán.*

*Người nô bộc hèn mọn và vô dụng.*

***Petrus Key***

## **Tài Liệu II**

**Thư Linh mục Borelle gửi Giám Mục Lefèbvre**

**Ngày 24/3 [1859]**

Giám Mục Tsauropolis [Lefèbvre]

Bẩm Đức Cha:

Ngày hôm kia, Cha [Nguyễn Văn] Lựu (một trong những giáo mục của chúng ta) đã chuyển cho tôi thư [Honorée] ngày 15 của Đức Cha mà ông ta cũng đã trao tận tay cho Giám mục Pernot, và Cha Lựu đã trở lại đây với hồi âm của giáo hữu của Ngài. Bởi thế, mặc dù bị cúm nhẹ, tôi tự nhủ có bốn phen viết đôi dòng. Có vẻ là chúng tôi đang bị kết án phải chôn chân chịu hành hạ ở đây [rester en putgatoire] vài tháng nữa, cho đến lúc mà tàu chiến của chúng ta có thể mang đến tự do cho chúng tôi. Nếu chỉ có chúng tôi bị khổ sở, cũng chẳng khó khăn gì để giữ gìn đạo hạnh. Nhưng những tin đồn tội nghiệp [sê] rơi vào tình trạng cực kỳ gian nan vì các quan viên đang nghiên xiết hàm răng chống lại tin đồn Da-tô mãnh liệt hơn bao giờ hết, và không ngừng tuyên bố rằng chúng ta là nguồn gốc của mọi thảm bại mà họ gánh chịu ở Gia Định (Sài Gòn). Có vẻ là những người vây quanh Ngài không chú tâm vừa đủ trong việc canh chừng bọn gián điệp của triều đình đang luôn lách tới sát Ngài. Trong số này có kẻ được Đại nhân ban phước và đã hôn kính nhẫn [Giám mục] của Ngài, và chúng trình diễn Ngài như một nhà Bảo hộ lớn [vĩ đại] của tất cả những kẻ đào ngũ [transfuges], dù là tin đồn Da Tô, hay ngoại đạo, bên cạnh người Pháp. Chúng đã báo cáo với các quan lại những cộng tác [dịch vụ] mà người Da tô [Xtiens] đã cống hiến cho người Pháp và các ông quan [Đại Nam] này đã thề là sẽ trả thù trên đầu tất cả dân Da tô, chẳng cần phân biệt khinh

trọng. Mỗi ngày, họ đưa về các tỉnh Mỹ Tho và Long Hồ [Vĩnh Long] những biện pháp ngày càng nghiêm ngặt chống lại tén đồ Da tô va, trên hết, là kiểm soát gặt gao. Chỉ cần hơi nghi ngờ thôi là họ tra tấn liền. Ngày hôm qua ông Huyện Ba Vát [Xát?] đột ngột đến xét nhà Cả Lễ và điều tra, khám xét tỉ mỉ, và trở lại cũng đột ngột như khi đến.

Tôi không hiểu quan Huyện có nghĩ rằng ông ta có thể tìm ra một giáo sĩ Âu Châu [“Thầy Tây”] hay một đạo trưởng bản quốc [giáo mục bản xứ], hay lấy cớ rằng thầy Quang đã bị buộc tội là từng qua “học bên Tây”, dù rằng họ chưa bắt giữ [Thầy Quang]

Đau khổ nhất là tất cả các tén đồ Da Tô không được phép di chuyển, dù chỉ để tìm thực phẩm cho năm nay, vì người ta đã đặt thánh giá tại các trạm kiểm soát thuế; số trạm thuế cũng đã gia tăng nhiều lần. Ngay đến những người lương thiện cũng không dám mạo hiểm đi buôn bán vì các quan đã trưng thu tất cả tàu thuyền của dân. Lúa đã chín, có thể rụng xuống gốc vì người làm mùa và người mua đều đau khổ, và chẳng thiếu gì người lương đã bày tỏ ý muốn thấy tàu Tây sớm đến đánh chiếm các tỉnh để chấm dứt cảnh lính tráng cướp bóc, tàn phá ruộng vườn, và chấm dứt mọi vấn đề [việc].

Trước đây Cả Thiện và một số người có viễn kiến [nhìn xa thấy rộng] có ý kiến rằng nếu các tàu chiến chỉ đến để chiếm các tỉnh và rồi đặt chúng ta ở đó họ cảm thấy tốt hơn là không dính líu, nhưng ngày nay họ thích chịu đựng các hậu quả vô chính phủ hơn là chịu đựng sự oán giận [retentissement] của ông Thượng, người chắc chắn sẽ trút mọi sự tức giận lên đầu giáo dân Da tô.

Tại đây, ai nấy đều run sợ cho tính mạng họ. Trong khi mà nếu các tỉnh bị tàn phá, và nếu có phương tiện đưa xuống đây 1 hay 2 chiến hạm, người ta chẳng mong gì hơn là ngăn chặn ăn cướp và mỗi làng sẽ có 1 cơ quan hành chính riêng, và nếu giáo dân Da tô [được ở lại làng cũ] thoát khỏi cảnh săn giết, thương mại sẽ bắt đầu trở lại và mỗi gia đình sẽ có khả năng sản xuất thực phẩm đủ dùng trong năm. Ngay đến những người lương cũng sẽ tri ơn Pháp. Tại đây, các làng xã không còn lúa [thóc] dự trữ nữa, người ta phải đi vay mượn. Và trong cả họ đạo người ta chỉ còn khoảng 400 hộc [mesures] lúa. Nếu có được 1 con đường khả dụng từ đây đến Gia Định, Đức Cha Pernot có thể lên tâm sự với Ngài vì tôi lo rằng vị thế của Ngài rất nặng nề, nhưng đó là điều chưa làm được cho tới khi Ngài [Đại nhân] đã chiếm được con Rạch Cắt, ở đó có 1 đạo quân [Việt]. Bến Lức, Sơn Cần Đốt, Vũng Giã và Rạch Chanh Gò Đen. Tại tất cả các đồn trên đều có 1 đạo quân và 1 cây thánh giá để bước qua, như 1 điều kiện bắt buộc [sine que non] để đi qua. Tôi không rõ chú Ký (người thông ngôn) có thể đến được chỗ Ngài hay chẳng nhưng tôi biết rằng chú ta suýt nữa đã bị bắt ở 1



trong những đồn trên và chú ta sẽ rất vui mừng khi người ta cho chú tiếp tục đi bằng đường bộ.

Thật may mắn là Chỉ huy trưởng Jauréguiberry, có lẽ do ông ta được đào tạo khá hơn [tout pourtant qu'il est soit de meilleure composition], và đối xử với Ngài dễ dãi [déférence] hơn là Đê đốc, điều này có thể có ích cho chúng ta trong các tỉnh dưới. Còn lại, Đức Cha có thể tin được rằng tôi đặt kỳ vọng trên sự đoàn kết chặt chẽ của tất cả thành viên khổ sở trong họ đạo. Vì tôi không chút hoài nghi rằng họ đạo chẳng bao giờ bỏ dân (cơ hội variable (thuận tiện), .... Sự kiên nhẫn cho phép Ngài chỉ huy tàu đến cứu giúp chúng tôi.

Trong khi chờ đợi thượng đế chiếu cố sức khỏe Ngài và những phương tiện để bồi hoàn lại [de réparer in quantum], sự không hành động có nghĩa là sự kết án tất cả các thành viên của họ đạo...

Đức Cha cao cả  
Kẻ tôi tớ hèn mọn và vâng lời nhất  
H[enri] Borelle, Tổng Quản lý

Cha Thường vẫn bị đau và có thể chết trong tù nếu không sớm được phóng thích.

Cha Quý bị cướp [indisposé] khá nặng, nhưng đã khá hơn tất cả các cha [confesseurs] khác thuộc 3 tỉnh.

Những việc chối đạo [apostasies] xảy ra hàng ngày vì tất cả các tín đồ Da tô một khi bị bắt, hoặc ở trạm kiểm soát thuế, hoặc tại làng xã, đều bị ép chối đạo [faux pas, tức bước qua thập tự giá] vì sợ chết hay bị tra tấn trong những tình cảnh hiện nay.

Hai chú Bộ và Đính, tôi bắt buộc phải gửi trả về gia đình vì hai chú này không giữ được lời thệ [vocation]. Đây là 2 đối tượng bị mất.

*(Chú Cam [?] cùng về với chú Ký năm ngoái [1858] hiện trở thành tay nghiện cờ bạc và ăn trộm lớn, và tôi cũng chẳng ngạc nhiên lắm. Chú ta đã từng bị trừng phạt ở trường Pinang vì tội trộm cắp). (Chữ in nghiêng của người dịch)*

Tôi tin rằng 8 lá thư [đã] gửi ra ngoại quốc nhân dịp người đưa thư Khiêm, có phải vậy không thưa Đức Cha? Tất cả những họ đạo ở hai tỉnh trên họ có dịp tham gia vào việc người Pháp có mặt ở Cá Trê? Các giáo mục có được tham gia vào guồng máy hành chính như định trước?

Ở đây, tất cả chúng tôi đều bị kết án biệt lập tuyệt đối. Chẳng có 1 huyện nào ở đó người ta dám gọi giáo dân Ki-tô lên để sinh tế (?)

### **Ghi chú:**

Tài liệu này có hai điểm đáng ghi nhận:

Năm 1858, Petrus Key đã về tới Cái Môn, Vĩnh Long. Cùng từ trường Pinang về có ba “chú” khác bị sa thải vì hạnh kiểm.

Năm 1859, Borelle gọi Petrus Key là “chú Ký” mà không phải “Cha Ký” (như trường hợp “Cha Lự.” Điều này có nghĩa Petrus Key chưa được thụ phong linh mục, và như thế không tốt nghiệp Chứng viện Pinang.

Phải chăng Petrus Key chính là loại “thầy kẻ giảng bị trục xuất vì lý do hạnh kiểm” mà Đề đốc Rieunier sau này nhắc đến?

Muốn hiểu thêm liên hệ giữa Petrus Key với Soái Phủ Pháp, tham khảo thêm thư từ và công điện trao đổi giữa Lefèbvre, Jauréguiberry và Rigault de Genouilly.

Kết luận của chúng tôi là Petrus Key có lẽ phải đưa cả hai tay phản đối cả hai phe “cung vãn” và “đào mộ,”

### **Tài Liệu III**

#### **Thư của Sứ đoàn Đại Nam gửi Phó Vương Alexandrie**

Nội dung thư này chẳng có gì đặc biệt, và được nhắc đến trong một số tác phẩm đã ấn hành. Đáng chú ý là người thông dịch ký tên là Petrus Truong Vinh Key.

Hai chữ “Truong Vinh” đã được thêm vào giữa tên “Petrus” và họ “Key.” Chữ “Key” vài tháng trước cũng đã được dịch qua chữ nho là “Kí.” Điều này chứng tỏ chậm lắm từ năm 1863-1864, “chú Kí” của Linh mục Borelle năm 1858-1859, đã tìm được phả mới—Trương Vĩnh.

### **Tài Liệu IV**

#### **Số tác phẩm Petrus Key đã ấn hành**

Một trong những vấn nạn hiện nay là tổng số tác phẩm Petrus Key đã hoàn tất và xuất bản.

Theo tư liệu tại Kho Lưu trữ Quốc Gia II tại Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn), năm 1878, Petrus Key xuất bản cuốn tự điển Pháp-Việt, với tựa đề nguyên văn như sau: *Dictionnaire Francais-Annamite / Tự vị tiếng Pha Lang Sa Giải nghĩa theo tiếng Annam.* (GOUCOCH, IA-6, HS 223)

Năm 1884, Petrus Key in một catalog sách đã xuất bản, gồm bốn mươi bảy [47] tựa:

12 tựa do chính phủ Nam Kỳ hoặc các cơ quan yêu cầu.

23 cuốn do các nhà xuất bản thương mại.

2 cuốn do nhà xuất bản Hội truyền giáo.

Một danh sách viết tay khác ghi năm mươi ba [53] cuốn, kể cả 9 cuốn in thạch bản. (GOUCOCH, IA-6, HS 217 (3))

Ngày 31/3/1885, Pháp đồng ý trợ cấp cho Petrus Key Một ngàn năm trăm [1500] đồng để khuyến khích in *Petit dictionnaire francais-annamite [Tiểu tự điển Pha Lăng Sa giải nghĩa qua tiếng Annam]*. (GOUCOCH, IA-6, HS 217 (3))

7/7/1888, Petrus Key viết thư cho Thống soái Nam Kỳ về việc không có répétiteur người Miên cho lớp dạy tiếng Miên tại trường Chasseloup Laubat. (GOUCOCH, IA-6, HS 232 (5, 61)) Petrus Key được giao phụ trách lớp dạy tiếng Miên và tiếng Tàu.

Năm 1889, Petrus Key xuất bản cuốn tự điển Việt-Pháp, với tựa đề nguyên văn như sau: *Dictionnaire Annamite-Francais / Tự vị tiếng Annam Giải nghĩa theo tiếng Pha Lang Sa*. (GOUCOCH, IA-6, HS 217 (3), 223)

Năm 1890, có mười ba [13] tựa sách của Petrus Key. (GOUCOCH, IA-6, HS 217 (3))

Ngày 12/12/1895, Petrus Key viết thư yêu cầu chính phủ Nam Kỳ mua giúp 2000 cuốn *Cours d'Annamite parlé* [Bài giảng tiếng An-nam-mít nói]. Giá hai đồng một cuốn. Ngày 13/1/1897, Hội đồng Quản hạt chấp thuận mua 1000 cuốn, với giá tiền Hai ngàn đồng. (GOUCOCH, IA-6, HS 231(12))

Năm 1896, Petrus Key yêu cầu mua 2000 bản *Minh Tâm Bửu Giám [Le Précieux Miroir du Coeur]*.

Ngày 3 và 26/10/1898, Bà Petrus Key gửi thư yêu cầu chính phủ Nam Kỳ mua giúp số sách tồn kho của Petrus Key.

Ngày 11/11/1898, Phòng 3 gửi Thông tư số 37 cho 18 tỉnh, yêu cầu mua sách Petrus Key. 8 tỉnh không mua (Rạch Giá, Trà Vinh, Sa Dec, Mỹ Tho, Bạc Liêu, Thủ Dầu Một, Châu Đốc, Gò Công). Ba tỉnh mua cao nhất là Tân An (7 tựa, \$98.30), Cần Thơ (5 tựa, \$94.40), Vĩnh Long (6 tựa, \$93.30). Kế đến Bến Tre (2 tựa, mỗi tựa 100 cuốn, \$60.00), Long Xuyên (12 tựa, \$52.40), Hà Tiên (7 tựa, \$31.50), Sóc Trăng (5 tựa, \$31.40), Gia Định (1 tựa *Vocabulaire annamite-francais*, \$27.00). Biên Hoà mua mỗi tựa một cuốn, Chợ Lớn mua 2 tựa.

Ngày 2/5/1899, Phòng 3 Ban Thư ký [3è Bureau du Secrétaire du Gouvernement] cho bà Petrus Key biết đồng ý mua hai mươi ba [23] tựa sách, với tổng số tiền Năm trăm chín mươi ba đồng, tám mươi xu [\$ 593.80]. (GOUCOCH, IA-6, HS 223) [Làm copy, 5 trang]

Những tựa sách bán được có:

*Thầy trò*

*Sơ học văn tân [Répertoire pour les nouveaux étudiants]*

*Tứ thơ No. 1*  
*Bất cương [Fais ce que dois, advienne que pourra]*  
*Mắc bệnh cúm từ*  
*Ngu tiều trường điệu*  
*Bài hịch con qua [Proscription des corbeaux]*  
*Vocabulaire Annamite-Francais.*  
*Học trò khó phú [Un lettré pauvre]*  
*Alphabet francais*  
*Thanh suy bỉ thối phú [Caprices de la fortune]*  
*Phan Trần*  
*Kim Vân Kiều truyện*  
*Trung Dung*  
*Ước lược*  
*Miscellanés*  
*Manuel [des écoles primaires à l'usage des jeunes élèves des écoles de*  
*l'administration de la basse Cochinchine, 1er volume: 1. Syllabaire quốc*  
*ngữ, 2è histoire annamite; 3e histoire chinoise (1876), 2e volume: simples*  
*notions sur les sciences, n'a pas paru (1876)]*  
*Minh Tâm [Bửu giám]*  
*Thơ dạy làm dâu [La Bru]*  
*Lục súc tranh công*  
*Kiếp phong trần [Événements de la vie]*  
*Trương Lương [Apologie de Trương Lương = Trương Lưu hầu phú]*  
*Cờ bạc nha phiến. (GOUCOCH, IA-6, HS 223)*

Ngày 15/5/1899, tức một năm sau ngày Petrus Key từ trần, tại thư viện Nam Kỳ có 88 cuốn sách của Petrus Key. Không rõ đây là 88 đơn vị hay 88 tựa sách khác nhau. (GOUCOCH, IA-6, HS 223)

Trong số các tác phẩm của Petrus Key, có tập *Prosodie et versification annamite* [Phép văn thi Annam].

Cuốn này chỉ in thạch bản, còn lại bốn (04) bài, khoảng 80 trang:

Bài thứ hai: Phép làm văn, làm thơ.

Bài thứ tư: Văn dùng trong việc thi học trò.

Bài thứ năm: Hoài cô tự thuật phú

Bài thứ sáu: Phép làm văn (GOUCOCH, IA-7, HS 206 (3))

*Pétrus Key (sau này trở thành Trương Vĩnh Ký) thường được ca ngợi là một học giả lớn miền Nam. Ông có công quảng bá loại tiếng Việt mới, tức quốc ngữ hiện nay mà các giáo sĩ Portugal và Espania đã sáng chế vào thế kỷ XVII.*

Tuy nhiên, Petrus Key cũng đóng một vai trò đáng kể trong cuộc xâm lăng Việt Nam của Pháp. Ông là một trong những thông ngôn người Việt đầu tiên hợp tác với Pháp, bên cạnh những giáo sĩ thuộc Hội Truyền Giáo Hải Ngoại đã tiềm phục trong vương quốc Đại Nam từ nhiều thế kỷ--đặc biệt là các Giám Mục và giáo sĩ Đàng/Đường Trong Nam như Dominique Lefèbre, Henri Borelle, v.. v...

Cấp chỉ huy Pháp đầu tiên mà Petrus Key phục vụ là Hải quân Trung tá Jean Bernard Jauréguiberry, Chỉ huy trưởng Sài Gòn từ tháng 3/1859 tới tháng 4/1860, người sau này lên tới chức Bộ trưởng Hải quân & Thuộc địa. Sau đó, Petrus Key làm việc liên tục cho Soái phủ Sài Gòn và chính phủ Bảo hộ Pháp tới trước ngày nhắm mắt.

Hầu hết các tư liệu Pháp đều công nhận Petrus Key là một “khai quốc công thần” của nền Bảo hộ Pháp, không những tại Nam Kỳ, mà còn trong toàn cõi Đông Dương. Năm 1876, chẳng hạn, Petrus Key làm một chuyến viễn du Bắc Kỳ, cung cấp tài liệu tại chỗ cho Đề Đốc/Thống đốc Charles Duperré (1/12/1874-31/1/1876, 7/7/1876-15/10/1877) mưu chiếm miền Bắc, nhưng kế hoạch này không được Paris chấp thuận.

Ngày 28/10/1885, Bộ trưởng chiến tranh Pháp tiến cử Petrus Ký với Roussel de Courcy. (Ngày 31/12/1885, de Courcy cho biết Ký từng dính líu vào việc hải tặc Tạ Văn Phụng/Phượng và Peine Sieffert, xuất bản năm 1879 và 1880 ở Sài Gòn; 10H xxx [43]).

Yêu cầu de Courcy giữ bí mật những cảm nghĩ của Puginier. (12 trang; ASME (Paris), Tonkin 816, tr.46ff).

Năm 1886, “ân sĩ” Hàn lâm viện thị giảng đại học sĩ Petrus Key ra Huế, làm tham biện trong Cơ Mật Viện để huấn luyện vua Nguyễn Phước Biện (19/9/1885-28/1/1889), niên hiệu Đồng Khánh, biết đồng hóa quyền lợi bản thân với quyền lợi Đại Pháp—tức tách biệt Bắc Kỳ ra khỏi ảnh hưởng Huế, đổi lại, được phần nào tự trị trong các tỉnh còn lại của Trung Kỳ, từ Thanh Hóa vào Bình Thuận; và chiêu mộ các lãnh tụ Cần vương về hàng dưới chiêu bài “an phủ.” (ĐNTLCB, VI, IX, 37:1885-1886, (1977), tr 168, 177)

Nhờ vậy, được Tổng Trú sứ Paul Bert ân thưởng Đế ngũ đẳng Bảo quốc Huân chương, một loại huân chương cao quý mà bao công dân Pháp thèm muốn.

3/6/1886: Thành lập chức Kinh lược Bắc Kỳ. Nguyễn Trọng Hợp, rồi từ năm 1887, Cần Chánh Điện Đại Học sĩ Nguyễn Hữu Độ (1833-1888)—thân tín của Giám Mục Paul Puginier và Trần Lục, từng được ban thưởng Đế Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương—làm Kinh Lược, nhận lệnh Thống

sứ Bắc Kỳ [Tonkin]. (ĐNCBLT, VI, IV-VII, (1977), 37:1885-1886, tr 170-171, 196-197, 200-204, 301-302, 306-307)

Năm 1888, Petrus Key cũng được sử dụng vào kế hoạch điều đình với Xiêm La để sát nhập vương quốc Lào vào lãnh thổ Liên bang Đông Dương thuộc Pháp [L'Union d'Indochine française].

Dưới thời Pháp thuộc, Petrus Key còn được coi như “nhà văn hóa lớn” của nền quốc ngữ mới qua một số tác phẩm “đồ sộ”. Thực ra, toàn bộ công trình văn hóa của Petrus Key chẳng có gì khác hơn những bài giảng dạy tại trường Thông ngôn Pháp ở Sài Gòn, kể cả vài tự điển loại bỏ túi và hai cuốn “cổ tích” bằng Pháp ngữ mang tựa Cours d'histoire annamite [Bài giảng sử An Nam] dành cho các trường tiểu học ở Nam Kỳ thấp (1875-1877 [1879]). Ngoài ra, Petrus Key còn có thời gian phụ trách tờ Gia Định Báo, cơ quan tuyên truyền bằng tiếng Việt dựa trên chữ cái Latin của Soái phủ Sài Gòn, và tự chủ trương tờ Thống Loại Khóa Trình, một thứ học báo dùng làm sách giáo khoa cho các học sinh tiểu học Nam kỳ.

Dưới thời Pháp thuộc, tên Petrus [Trương Vĩnh] Ký được dùng đặt cho tên một trường Bảo hộ Pháp lớn nhất miền Nam ngay tại Sài Gòn. Sau ngày Pháp tái chiếm miền Nam, và cho tới năm 1975, trường Petrus Ký vẫn là một trường trung học công lập danh tiếng miền Nam. Để biện minh cho việc lấy tên Petrus Ký đặt tên cho ngôi trường từng đào tạo hàng chục ngàn nhân tài này, người ta vờ vẽ ra hàng trăm giai thoại về sự tài giỏi, thiên tài về ngôn ngữ, v.. v... của Petrus Key, khiến khó biết chi tiết nào thực, chi tiết nào giả.

Trong dịp nghiên cứu tại Paris từ năm 1996 tới 2000, chúng tôi phát hiện được một số tư liệu có thể giúp đóng góp về việc tìm hiểu và tái dựng lại cuộc đời và sự nghiệp Trương Vĩnh Ký.

1. Thứ nhất, người mà chúng ta biết như Pétrus Ký hay Trương Vĩnh Ký, Pétrus Trương Vĩnh Ký, hay Pierre J.B. Trương Vĩnh Ký hiện nay thoạt tiên chỉ xuất hiện với cái tên ngắn ngủi “Petrus Key,” hoặc “chú Ký.”

a. Có ba tài liệu giúp khẳng định Petrus Key là Trương Vĩnh Ký sau này.

(1) Tài liệu thứ nhất là thư Petrus Key gửi cho Hải Quân Trung tá Jean Bernard Jauréguiberry vào tháng 3/1859.

Đây là lá thư ra mắt của Petrus Key với Jauréguiberry và quan tướng Pháp, ca ngợi công ơn binh đội Pháp như những thiên thần được Thượng đế gửi xuống cứu giúp giáo dân Ki-tô Việt Nam. (Đã công bố trên nguyệt san Quốc Dân năm 1996, và tâm bút Paris Xuân 1996 (1997) tr 66-74) Năm 2015=2016, chúng tôi công bố nguyên văn thư trên trong Nhục Hận Biển Đông Nam Á: Kiện hay

*Không Kiện?*, (NXB Hop Luu, Amazon phat hanh), Phụ Bản 4, tập I, tr 354-375, tập III, tr 363-382.

(2) Tài liệu thứ hai là danh sách phái đoàn thông ngôn của Soái phủ Pháp, dưới quyền Trung tá Henri Rieunier, được cử tháp tùng sứ đoàn Phan Thanh Giản qua Pháp và rồi Espania vào tháng 7 năm 1863

Danh sách này xếp chữ typo, với phụ chú chữ Hán ở phía tay trái, và có chữ ký chứng thực của Rieunier. Phần sắp chữ typo, chỉ đề tên “*Petrus Key, Giáo sư trường Thông ngôn.*” Phần chữ Hán, có thêm chi tiết: nhất đẳng thông ngôn Trương Vĩnh Ký. (Trích đăng trong *Chính Đạo, Hồ Chí Minh: Con người & Huyền thoại, tập I (1997)*; & Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối nhà Nguyễn, tập I (1999)*, tr 297)

(3) Tài liệu thứ ba là bản dịch thư sứ đoàn Việt gửi “Phó vương” Alexandrie, cảm tạ sự tiếp đón nồng nhiệt sứ đoàn.

Dưới bản dịch Pháp ngữ này có chữ ký **Petrus Trương Vĩnh Key**; và lời thị thực của Trung tá Rieunier.

(4) Mới đây, trong dịp làm việc tại Kho Lưu Trữ Quốc Gia 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi được tham khảo thêm một số tài liệu về việc mua bán sách của Petrus Key trước và sau ngày ông từ trần.

### **NGUYỄN TRƯỜNG TỘ, PAUL (1827 [1831]-1871)**

Quê xã Bi Nga, Hưng Nguyên, Nghệ An. Cha là Nguyễn Quốc Thư; mẹ không rõ tên. Theo đạo Ki-tô. Thuở nhỏ theo học chữ Hán. Sau được Giáo sĩ Gauthier [Ngô Gia Hậu] dạy tiếng Pháp, tiếng Latin. Theo Tộ, được đưa về Pháp vào thập niên 1850. Tại Âu Châu, Tộ viếng thăm nhiều cơ xưởng, và được Giáo Hoàng Pius IX (1846-1878) tiếp kiến, tặng 100 cuốn sách. (ĐDA, 1944:115) Tuy nhiên, chưa có tài liệu nào về việc du học Pháp này, ngoại trừ tập tấu của Trần Tiễn Thành. Chỉ có khả năng theo Gauthier tới Đà Nẵng tiếp xúc Pellerin, rồi qua Hong Kong một thời gian. Theo một nguồn tin, từ 1859 đã liên hệ với Trần Tiễn Thành. (ĐDA, 1944:115) Năm 1861, trở lại Sài Gòn. Làm thông ngôn; rồi phụ trách xây tiểu chủng viện Sài Gòn.

Từ 1863 tới 1871, Tộ gửi nhiều điều trần lên Nguyễn Phước Thời xin cải cách. Trong số những điều đề nghị có: giảm số tỉnh và quan chức; tăng lương bổng cho các quan; phân biệt giữa quyền hành chính và tư pháp; cải tổ thuế má; bỏ chữ Hán, sử dụng chữ viết theo kiểu chữ Nôm (?); nếu vẫn giữ lối thi cử cũ, cần nhấn mạnh vào việc trắc nghiệm kiến thức về luật pháp, khoa học, và nông nghiệp; nên bắt chước Xiêm La hơn Trung Hoa trong việc đối ngoại, gửi sứ đi các nước (*In Search*, tr. 131-132; Trương Bá Cần, 2002:590-595).

Năm 1866, do sự tiến cử của Trần Tiễn Thành, được Nguyễn Phước Thời cho đi nghiên cứu về mỏ, rồi cùng Gauthier và Nguyễn Điều qua Âu châu mượn chuyên viên và mua vật dụng lập trường Quốc học theo kiểu mẫu của các giáo sĩ Ki-tô.

Về nước, thất bại trong việc mở trường Quốc tử Giám. Bỏ ra Nghệ An theo Gauthier.

1870: Yêu cầu Nguyễn Phước Thời tiếp tục hòa hiếu với Pháp. Tìm cách liên kết với Anh. Được Nguyễn Phước Thời nghe theo.

22/11/1871 [10/10 Tân Mùi]: Paul [Bảo Lộc] Nguyễn Trường Tộ chết.

Thọ 41 tuổi. Táng đại địa phận Bùi Chu. (Nguyễn Trường Cửu; Cần 2002:507; Lê Thuớc, “Tiểu sử Nguyễn Trường Tộ tiên sinh;” *Nam Phong*, số 102, tr. 4-12; dẫn trong Cần, 2002:526-527)

Cuối triều Nguyễn Phước Tuấn, do lời xin của Đốc học Nghệ An Lê Thuớc (người Hà Tĩnh) và Kiểm giáo Nguyễn Hiệt Chi, Tổng đốc Tôn Thất Đản lấy tên Nguyễn Trường Tộ đặt cho Kiêm bị tiểu học tràng. Ngày 14/6/1925, lễ chính thức đặt bảng. Năm 1926 [?], bộ Học truy tặng Nguyễn Trường Tộ chức Gia Nghị đại phu Hàn Lâm Viện trực học sĩ. (Nguyễn Trường Cửu; Cần 2002:507; Đinh Văn Cháp (?), “Biên khảo bổ túc vào tiểu sử của Nguyễn Trường Tộ;” Cần, 2002:532)

### **NGUYỄN VĂN TƯỜNG (1810-1888)**

Nguyễn Văn Tường gốc xã An Xá Trung, huyện Hải Lăng, Quảng Trị. Xuất thân từ một gia đình nông nghiệp, cha là thợ mộc từng liên can đến một vụ làm loạn nên không được dự thi.

Khai hộ Nguyễn Phúc dự thi trường Thừa Thiên năm 1842, đậu tú tài nhưng bị đổi tên là Văn Tường, kết tội đồ 1 năm và cấm thi trọn đời. Sau nhờ Nguyễn Phước Thời đặc biệt phê chuẩn, Tường đậu đầu. (*ĐNTLCB*, III, XXII, 24:1842-1844, 1971:164-165; Số ngày 9/10/1875 của Tường; *CAOM* (Aix), Amiraux, 12774; Nguyễn Văn Phong 1971:117)

Năm 1852, tập sự ở Bộ Hình, rồi ngòai tri huyện, tri phủ, án sát (Thành Hóa, 1859). Năm 1862, về làm việc ở Bộ Công; rồi chịu tang cha khá lâu. Mãi tới năm 1867 mới ra làm quan trở lại, giữ việc trị nông ở Quảng Trị.

Đầu năm 1868, đang là bang biện huyện Thành Hòa, theo Trần Tiễn Thành vào Sài Gòn thảo luận việc lập hòa ước mới, nhưng không thành. Năm 1869, Tường về Bộ Lễ.

Năm 1873, do Trần Tiễn Thành đề cử, Tường làm Phó sứ vào Sài Gòn dàn xếp việc Dupuis. (*ĐNLT*, q. 30, tờ 7; Tsuboi, 268),

**9/8/1873:** Triều đình Huế sai Lê Tuấn, Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Tăng Doãn vào Sài Gòn gặp Dupré để thương nghị việc xin trả lại ba tỉnh miền Tây, đồng thời dàn xếp việc Dupuis.



Thông ngôn là hai Linh mục Nguyễn Hữu Thơ (Cư) và Nguyễn Hoàng. Hoàng từ Hong Kong về Sài Gòn, chờ sứ đoàn. (H. Peysonnaux & Bùi Văn Cung, “Le Traité de 1874: Journal du secrétaire de l’ambassade annamite [Nhật trình về định hòa ước thương ước năm Quý Dậu, 1873, Tự Đức 26 niên];” *BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 366 [365-384])

\* Thượng Hải: Garnier lên đường trở lại Sài Gòn.

**16/8/1873:** Garnier về tới Sài Gòn [?]

**23/8-21/9/1873 [Tháng 7 Quý Dậu]:**

**31/8/1873,** 21G00: Sứ đoàn Lê Tuấn tới Sài Gòn.

Paul Philastre [Hoắc Đạo Sinh] (1837-1902), Giám đốc Bản xứ vụ ở Nam Kỳ, xuống tàu thăm.

**2/9/1873:** Jules Dupré (1813-1881) tiếp kiến sứ đoàn Việt.

Có mặt Giám mục Isidore-Francois Joseph Colombert (Mỹ, 1838-1894),

Các linh mục Théodore-Louis Wibeaux (Vị, 1820-1877), Henri M. T.

Alexandre de Kerlan, Francois-Constant Derval, các lãnh sự Bri-tên, Đức, Espania, Belgium, Denmark, Dutch và Mỹ, cùng nhiều viên chức cao cấp khác. (*BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 370) **[Mỹ chưa đặt lãnh**

**sự tại Sài Gòn. Mới chỉ có Lãnh sự Hong Kong, Singapore]**

**8/9/1873:** Dupré khuyên sứ đoàn không nên qua Pháp và nên thảo luận ngay tại Sài Gòn. (*BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 371)

**9/9/1873:** Lê Tuấn lên án La Grandière vi phạm Hiệp ước 1862, cưỡng chiếm ba tỉnh miền Tây.

Xin trả lại tỉnh này, và yêu cầu Philastre đích thân can thiệp. (*BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 372)

**12/9/1873:** Lê Tuấn bị ốm nặng. Nguyễn Văn Tường thay thế để thương thuyết với Philastre. (*BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 372)

**16/9/1873:** Lê Tuấn đưa ra nhiều đòi hỏi.

Quan trọng nhất là ba điểm: (1) Vấn đề ba tỉnh miền Tây; (2) bỏ điều ép buộc Huế phải xin phép Pháp trước khi cắt đất cho nước khác [*doãn hành, tắc hành*]; (3) đề nghị mua lại một phần lãnh thổ tại ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa. (*BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 373)

**18/9/1873:** Dupré trả lời đòi hỏi ngày 16/9/1873 của Lê Tuấn.

**19/9/1873:** Cả Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường đều bệnh nặng.

**22/9-20/10/1873 [Tháng 8 Quý Dậu]:**

Theo quan chức Quảng Đông, **tuần phủ Vân Nam Sầm Dục Anh** đã phái Dupuis và Lý Ngọc Tri đi mua súng đạn.

Vua cử Phan Đình Bình ra Bắc. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:322-325)

**1/10/1873:** Dupré sai Trung Tá Francis Garnier [Ngạc Nhi] mang 86 người ra Hà Nội giải quyết:

Trục xuất Dupuis khỏi Bắc thành; nhưng phải kéo dài thời gian ở Hà Nội, để bảo đảm việc lưu thông trên sông Hồng tới Vân Nam (Thư ngày 10/10/1873).

**7/10/1873:** Nguyễn Phước Thời ra mật dụ cho phép Dupuis mang một số lượng muối giới hạn lên Vân Nam.

Nguyễn Tri Phương và Phan Đình Bình được toàn quyền hành động. Sai Tổng thống Hoàng Kế Viêm đem 500-600 binh sĩ đóng ở cửa phía Tây Hà Nội; Nguyễn Uy mang 500-600 binh tới Gia-Lâm thị oai. Tôn Thất Thuyết và Trần Thiện Chính phụ trách quân vụ Sơn-Hung-Tuyên; Phạm Thân Duật, Hoàng Diệu và Đặng Toán phụ trách quân vụ Bắc Ninh / Thái Nguyên. (CBTD, XXVI, CB 287:60-61)

**8/10/1873:** Nguyễn Văn Tường yêu cầu Dupré gửi hai tàu ra Bắc bắt giữ Dupuis. (BAVH, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 375)

**9/10/1873:** Garnier ngừng ở Đà Nẵng, trao thư của Dupré gửi Nguyễn Phước Thời. Theo thư này, nhiệm vụ của Garnier là trục xuất Dupuis khỏi miền Bắc. Tuy nhiên, Garnier sẽ ở lại miền Bắc để giải quyết cho xong việc lưu thông trên sông Hồng. Đồng thời yêu cầu Nguyễn Phước Thời mở Hà Nội cho việc buôn bán.

Vì tàu *L'Arc* bị đắm dọc đường, Garnier phải lưu lại Đà Nẵng một tháng.

[10/10/1873: Garnier ghé thăm sứ đoàn trước khi ra Bắc. (BAVH, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 375)

\* Đà-Nẵng: Có hai tàu *Espingole* (98 người) và *Scorpion* (15 người) tăng viện, Garnier ra Bắc. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:328-329, 330-331)

**20/11-19/12/1873 [Tháng 10 Quý Dậu]:**

**20/11/1873 [1/10 Quý Dậu]:**

\* Hà-Nội: Garnier đánh thành Hà Nội với 180 binh sĩ.

Dupuis mang lực lượng của mình tiếp sức. Chưa đầy một giờ, thành bị hạ. Nguyễn Tri Phương bị thương ở đùi phải, bị Garnier bắt xuống tàu cùng Phan Đình Bình và ba người khác. Phương tuyệt thực, không chịu chữa trị vết thương.

Con Phương là Phò Mã Nguyễn Lâm trúng đạn chết. (Xem PA 17, 31—Papiers Francis Garnier; 83 APC, có hình ảnh. Xem thêm báo cáo ngày 21/11/1873 của Garnier gửi Dupré; SHAT, 10H xxx [1, dossier 4]; ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:336; CBTD 6/10 TĐ XXVI [25/11/1873], CB 287:34-35, 36 [2003:192-93])

\* Sơn-Tây: Pháp chiếm phủ Hoài Nhân trên đường đi Sơn Tây.

\* Huế: Phong Phạm Phú Thứ làm Hữu tham tri bộ Hộ; thự thượng thư. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:335)

**20/12/1873 [1/11 Quý Dậu]:** Sau một tháng tuyệt thực, Nguyễn Tri Phương từ trần. Thọ 74 tuổi [ta]. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:349; ĐNCBLT, II, q 24, (1993), 3:461)

*(Sau này, đình thần nghị tội, xin truất bỏ chức hàm, trăm giam hậu. Nguyễn Phước Thời đặc ân cho hàm tá Tham tri Bộ Binh, giữ nguyên tước Bá. Năm 1875, cho vào thờ ở đền Trung nghĩa, lập đền Trung hiếu tại sinh quán; ĐNCBLT, II, q 24 (1993), 3:462; ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:367-368*

**30/10/1873:** Dupré gặp sứ đoàn Việt. Đề nghị họp nhau để ký Hiệp ước. Lê Tuấn xin hoãn vì bệnh, xin Huế cử người thay.

Nguyễn Phước Thời không đồng ý. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:333)

**30/11/1873 [11/10 Quý Dậu]:** \* Sài-Gòn: Dupré báo tin cho Lê Tuấn biết về việc Hà Nội thất thủ ngày 20/11/1873. Đồng thời loan báo 6 tù binh đã tới Sài Gòn trên tàu Decrès ngày hôm trước (29/11) sẽ bị gửi qua Pháp trên tàu l'Aveyron (BAVH, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), tr. 376-377)

- Chiều: Sứ đoàn Nguyễn xin phóng thích bốn quan bị bắt giữ. Dupré đồng ý tha bốn quan Việt. Cho Phan Đình Bình và Bó chính Đàng về Huế. Hai người khác giữ làm con tin cho tới ngày ký xong hòa ước. Hai con của Phan Thanh Giản bị đưa qua Pháp.

**1/12/1873 [12/10 Quý Dậu]:** Theo yêu cầu của Pháp, Nguyễn Phước Thời sai Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hiệp [Hợp], Trương Gia Hội ra Hà Nội điều đình. Mang theo hai cố đạo Sohier (Giám mục Bình) và Dangelzer (Linh mục Đăng) ở Kim Long. (CBTD, XXVI, CB 287:49; ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:338.

\* Sài-Gòn: - Tối: Giám mục Miche chết. Giám mục Colombert (Mỹ) lên thay.

**2/12/1873:** Thiếu úy Edgar de Trentinian cùng Trung úy Balny d'Avricourt, hạm trưởng tàu Espingole, tiến đánh Hải Dương. Trentinian được giao chỉ huy.

**3/12/1873:** Phó sứ Tường và thông ngôn Thơ (Cư) gặp Dupré, xin cử đại diện ra Huế. Tường tình nguyện ra Huế khuyên vua ký hòa ước. Dupré chỉ định Philastre ra Huế cùng Tường và Thơ.

**4/12/1873 [15/10 Quý Dậu]:** Thiếu úy de Trentinian, dưới sự yểm trợ của tàu Espingole của Trung úy Balny d'Avricourt, hạ thành Hải Dương. (10H xxx [2]).

Tài liệu Nguyễn ghi Lê Hữu Thường, Đặng Xuân Bảng, Nguyễn Hữu Chính, Nguyễn Đại chạy ra Gia Lộc và Cẩm Giàng. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:339-40)

**5/12/1873 [16/10 Quý Dậu]:** Chuẩn úy (aspirant) Hautefeuille chiếm Ninh Bình. Trần Lục tức Xuân Triêm, một giáo mục ở Phát Diệm đã nhận lệnh Puginier hướng dẫn Hautefeuille tới Ninh Bình. Rồi tuyển mộ 150 tay súng Ki-tô tới bảo vệ an ninh Ninh Bình. Quân Pháp chốt chặn mọi trục giao thông. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:340)

Tài liệu Nguyễn ghi là ngày 2/12/1873 [13/10 Quý Dậu]. (CBTD, XXVI, CB 287:56-57)

Sau đó, tàu chiến kéo về hướng Nam Định. Hộ đốc Nguyễn Hiện phái Lãnh binh Nguyễn Văn Lợi và thương biện Phạm Văn Nghị đón đánh địch ở đồn Độc Bộ. Không thắng lợi, rút về Phong Doanh và Ý Yên. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:340-341)

\* SÀI-GÒN: Dupré thuận tha cho Đề đốc và Lãnh binh ra Hà Nội cùng thông ngôn Sâm.

**6/12/1873:** Dupré đồng ý cho Tường lên đường ra Huế.

**10/12/1873 [21/10 Quý Dậu]:** Tàu Pháp chạy lên sông Vị Hoàng. Bản phá thành Nam Định. Rồi đổ bộ chiếm thành.

\* HUẾ: Tự Đức ra mật dụ chuẩn bị chiến đấu. (CBTD, XXVI, CB 287:56-7)

\* SÀI-GÒN: Dupré cử Philastre ra Huế. Để thẩm định thực cảnh Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường có đủ quyền ký hòa ước. (Romanet de Caillaud 1874:18, col 2)

**11/12/1873:** Garnier chiếm Nam Định. Giao cho Y sĩ Harmand chỉ huy. Được sự giúp đỡ của khoảng 14,000 lính bản xứ. Đa số những người này là giáo dân Ki-tô, do các cố đạo giúp tuyển mộ. (Tsuboi, tr. 78). 12,000, theo tài liệu Nguyễn.

**15/12/1873:** Harmand từ Hải Dương xuống tới Nam Định trên tàu Espingole. (A 00 [10]; Indo AF, carton 1)

Theo Harmand, Nam Định là thành phố đông dân nhất và giàu nhất miền Bắc.

Được sự giúp đỡ của khoảng 12,000 lính bản xứ. Đại đa số những người này là giáo dân Ki-tô, do các cố đạo giúp tuyển mộ. (Tsuboi, tr. 78, ghi theo tài liệu Pháp là 14,000).

**16/12/1873 [27/10 Quý Dậu]:**

\* HUẾ: Nguyễn Phước Thời ra mật dụ cho Thanh Hóa phải phòng vệ cẩn mật.

Tìm cách chiếm lại Ninh Bình, Nam Định. Đóng quân giữ đường núi Tam Điệp. Cố gắng dẹp giặc cỏ. (CBTD, XXVI, CB 287:50?)

**17/12/1873 [28/10 Quý Dậu]:** Garnier cho các quan Việt biết là sẽ trả lại thành.

**17/12/1873 [28/10 Quý Dậu]:** \* Huế: Dupré sai Paul Philastre [Hoắc Đạo Sinh] (1837-1902), Giám đốc Bản xứ vụ ở Nam Kỳ, ra Huế dàn xếp. Sau đó, cùng Phó sứ Nguyễn Văn Tường ra Hà Nội.

Nguyễn Văn Tường dâng sớ tâu về việc trả lại bốn thành miền Bắc.

Giống như ý sứ Pháp là Philastre. Nguyễn Phước Thời ra dụ cử Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hợp đi thương thuyết. Cử Trương Gia Hội làm Bố chính Hà Nội; Nguyễn Uyển làm án sát. Nguyễn Phiên làm Tuần phủ Ninh Bình; Đặng Văn Huân làm Bố chính; Bùi Văn Dị làm án sát. (CBTD, XXVI, CB 287:82)

**18/12/1873 [29/10 Quý Dậu]:** Nguyễn Phước Thời xuống Dụ về việc Pháp trả lại 4 thành miền Bắc.

Cử Nguyễn Văn Tường làm Phó sứ, theo Philastre ra Bắc. Sau đó Tường sẽ theo Philastre vào Gia Định, cùng Lê Tuấn bàn định Hiệp ước mới với Soái phủ Sài Gòn. (CBTD, XXVI [29/10 Quý Dậu], CB 287:99)

\* TOURANE: Philastre và Tường xuống tàu d'Estrées ở Tourane ra Bắc  
dàn xếp mọi việc. (Romanet de Caillaud 1874:19 coll)

**20/12/1873-17/1/1874 [Tháng 11 Quý Dậu]:**

**20/12/1873 [1/11 Quý Dậu]:** Sau một tháng tuyệt thực, Nguyễn Tri Phương  
từ trần. Thọ 74 tuổi [ta]. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:349;

ĐNCBLT, II, q 24, (1993), 3:461)

(Sau này, đình thần nghị tội, xin truất bỏ chức hàm, trăm giam hậu. Nguyễn  
Phước Thời **đặc ân cho hàm tá Tham tri Bộ Binh, giữ nguyên tước Bá. Năm**

**1875, cho vào thờ ở đền Trung nghĩa, lập đền Trung hiếu tại sinh quán;**  
ĐNCBLT, II, q 24 (1993), 3:462; ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:367-  
368

\* TOURANE: Philastre và Tường xuống tàu d'Estrées ở Tourane ra Bắc  
dàn xếp mọi việc. (Romanet de Caillaud 1874:19 coll)

**Chủ Nhật, 21/12/1873:** Garnier bị quân Cờ Đen phục kích chết ở Ô Cầu  
Giấy. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:349-350)

Sau đó, Tường theo Paul Philastre ra Hà Nội. Năm sau, 1874, ký Hòa ước  
1874. Cuối tháng 1/1874,(?) được Tự Đức phong làm Kỳ vi bá.

**22/12/1873 [3/11 Quý Dậu]:** Tự Đức xuống Dụ bỏ lệnh đánh Pháp.  
(CBTD, XXVI, CB 287:101-2)

\* TOURANE: Philastre và Tường rời Tourane ra Bắc. (ĐNTLCB, IV,  
32:1870-1873, 1975:355)

**24/12/1873:** Philastre và Tường tới Cửa Cấm. Tàu bị mắc cạn, phải thuê  
thuyền nhỏ vào Hải Phòng. Bị giặc bẻ cản đường, phải trở lại tàu.

(ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:355)

Thả neo gần tàu Decrès (Romanet de Caillaud 1874:19, col 1). Hạm  
trưởng Decrès là Trung tá **Testard du Cosquer** mới được tin Garnier chết.

\* SÀI-GÒN: Dupré thông báo cho Lê Tuấn biết rằng Garnier đã chiếm  
thêm hai tỉnh Ninh Bình và Hải Dương.

**25/12/1873 [6/11 Quý Dậu]:** Được tin Garnier chết, Philastre định bỏ ra  
về; nhưng Tường thuyết phục được Philastre tiếp tục ngược lên Kẻ-chợ  
(Hà Nội), cùng với Balaiseau. Nhắc đến cái chết của Nguyễn Tri Phương.

\* Hà Nội: Trần Đình Túc bắt đầu thương thuyết với Pháp. (ĐNTLCB, IV,  
32:1870-1873, 1975:351)

\* SÀI-GÒN: 102 binh sĩ thuộc Tiểu đoàn 4 TQLC tới tăng viện.

**27/12/1873 [8/11 Quý Dậu]:** Philastre và Nguyễn Văn Tường tới Hải  
Phòng.

Đánh tan một bọn giặc biển. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:356)

**28/12/1873:** Philastre tới Hải Dương.

29/12/1873: Philastre cho lệnh Thiếu úy de Trentinian triệt thoái khỏi thành này trước ngày 31/12/1873. Một thợ rèn họ Trương do Garnier đặt làm Tổng đốc mưu ám sát Nguyễn Văn Tường để phá kế hoạch giảng hòa. Bị bắt giải xuống tàu. Tường cho lệnh Bắc Ninh và Hưng Yên gửi quân đến để bảo vệ Hải Dương. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:356-57)

**[12/11 31/12/1873 Quý Dậu]:** Nguyễn Văn Tường chính thức nhận lại thành. Nguyễn Duy Tự, quyền sung Hộ đốc; Tạ Hiện, quyền Lãnh binh. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:356-57)

**1/1/1874 [13/11 Quý Dậu]:** Quân Pháp triệt thoái Hải Dương.

2/1/1874: Philastre và Tường tới Hà Nội. Giám mục Puginier khuyên cáo Philastre rằng những người theo Pháp có thể bị trả thù sau khi quân Pháp rút lui. Nhưng Philastre không nghe.

**3/1/1874 [15/11 Quý Dậu]:** Philastre và Tường tới Hà Nội. Bàn việc giao trả Nam Định và Ninh Bình trước.

Trần Đình Túc tạm nắm Định-An tổng đốc; Nguyễn Trọng Hợp, Ninh Bình tỉnh vụ. [Vì Trương Gia Hội đi Bắc Ninh chưa về kịp]. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:357)

Những ngày sau thảo luận về việc giải tán 12,000 quân lính mộ (vừa lương, vừa giáo) của Garnier. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:359)

5/1/1874: Ký Tạm ước rút quân Pháp khỏi Ninh Bình và Nam Định (10H xxx [2]; ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:359).

8/1/1874: Pháp triệt thoái Ninh Bình.

10/1/1874: Pháp triệt thoái Nam Định.

**13/1/1874 [25/11 Quý Dậu]:** Bàn giao Hà Nội. Trương Gia Hội tạm thay Nguyễn Trọng Hợp nhận thành.

Rheinart làm trú sứ, với 40 quân đóng ở ngoài thành. Tất cả rút xuống Hải Phòng, kể cả Dupuis. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:359)

Vua xuống lệnh Lương-Giáo không được hận thù nhau. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:360)

14/1/1874: Nguyễn Văn Tường báo cáo về việc Pháp trao trả ba tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Hà Nội.

16/1/1874: 250 binh sĩ TQLC từ Pháp qua tăng viện Hà Nội.

### **18/1-16/2/1874: Tháng 12 Quý Dậu**

19/1/1874: Tự Đức ban Dụ khoan hồng cho tất cả những người từng theo Pháp.

- Cho lệnh Tường đòi Philastre, sau khi rút khỏi miền Bắc, bãi bỏ các chức tước do Garnier phong cho các giáo dân.

20/1/1874: Di tản 250 binh sĩ TQLC mới tăng cường.



- Nguyễn Văn Tường báo cáo: Pháp sẽ đóng lại ở Hải Dương (Hải Phòng)—Việc thông thương sẽ bàn lại ở Sài Gòn—Đoàn thuyền của Dupuis sẽ do Trú sứ Pháp trông coi (CBTĐ, XXVI:47-52).

21/1/1874: Tường báo cáo là vì BỐ chính Nam Định [Phạm Văn Nghị] cho tay sai đốt phá các làng đạo, Pháp đòi trong 3 ngày phải giao nạp ngay, nếu không sẽ đánh Nam Định.

**22/1/1874 [5/12 Quý Dậu]:\*** Hà-Nội: Nguyễn Văn Tường báo cáo văn thân và sĩ dân nổi lên đốt phá làng đạo ở phủ Lý Nhân, Hà Nội. Đã phải nhờ Pháp can thiệp vì trong tay không có quân đội. (CBTĐ, 5/12 TĐ XXVI, CB 385:56-60; 2003:198)

**24/1/1874 [7/12 Quý Dậu]:\*** Huế: Nguyễn Huy Hồn từ Hongkong về báo cáo có người TH khuyên nên dựa vào TH và kết giao với Bri-tên để chống Pháp. (CBTĐ, 7/12 TĐ XXVI, CB 385:64-66; 2003:198)

**Chủ Nhật, 25/1/1874:** Rheinart rời Sài Gòn ra Hà Nội. Ghé Tourane ngày 25/1/1874. Leonard Sogny, “M. Rheinart, premier chargé d’affaires à Huế: Journal, notes et correspondance;” BAVH, vol. 30, Nos. 1-2 (1-6/1943), tr. 1-254)

**27/1/1874 [10/12 Quý Dậu]:\*** Huế: Nguyễn Huy Hồn báo cáo là đã qua Hongkong, Macao và Quảng Đông, nói chuyện với một số quan viên nhà Thanh và một lãnh sự Mỹ. (CBTĐ, CB 385, tờ 92-6; 2003:199)

**Chủ Nhật, 1/2/1874 [15/12 TĐ 26]:\*** Huế: Nguyễn Huy Hồn điều trần về âm mưu Pháp muốn ngăn cản Việt Nam buôn bán với các nước khác. Đề nghị nên gửi sứ qua Yên kinh để thương nghị với *các đại sứ Tây phương*. (CBTĐ, 15/12 TĐ XXVI [1/2/1874], CB 385:110-114; 2003:199)

2/2/1874: Nguyễn Huy Hồn đề nghị nên gửi sứ qua Yên kinh để thương nghị với các nước khác.

**4/2/1874 [18/12 Quý Dậu]:\*** Huế: Theo yêu cầu của Nguyễn Văn Tường và Philastre Tự Đức xuống Dụ chấm dứt tình trạng hiềm khích Giáo-Lương. (CBTĐ, 18/12 TĐ XXVI, CB 287:122; 2003:200)

**6/2/1874 [21/12 Quý Dậu]:\*** Hà-Nội: Philastre và Nguyễn Văn Tường ký tạm ước bỏ túc, gồm 14 điều khoản:

- Pháp rút quân khỏi Hà Nội; đóng tại Hải Phòng sứ.

- Triều đình Huế nhượng Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa. (Caillaud 1874:21-3) [Xem thêm 15/3/1874]

**7/2/1874:\*** Yên kinh: Cung [Kong] Thân vương viết thư cho de Geoffroy:

**1/1/1874 [13/11 Quý Dậu]:**

\* Quân Pháp triệt thoái Hải Dương.

2/1/1874: Philastre và Tường tới Hà Nội.

Giám mục Puginier khuyến cáo Philastre rằng những người theo Pháp có thể bị trả thù sau khi quân Pháp rút lui. Nhưng Philastre không nghe.

**3/1/1874 [15/11 Quý Dậu]:**

Philastre và Tường tới Hà Nội. Bàn việc giao trả Nam Định và Ninh Bình trước.

Trần Đình Túc tạm nắm Định-An tổng đốc; Nguyễn Trọng Hợp, Ninh Bình tỉnh vụ. [Vì Trương Gia Hội đi Bắc Ninh chưa về kịp]. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:357)

Những ngày sau thảo luận về việc giải tán 12,000 quân lính mộ (vừa lương, vừa giáo) của Garnier. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:359)

5/1/1874: Ký Tạm ước rút quân Pháp khỏi Ninh Bình và Nam Định (10H xxx [2]; ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:359).

8/1/1874: Pháp triệt thoái Ninh Bình.

10/1/1874: Pháp triệt thoái Nam Định.

**13/1/1874 [25/11 Quý Dậu]:**

Bàn giao Hà Nội. Trương Gia Hội tạm thay Nguyễn Trọng Hợp nhận thành.

Rheinart làm trú sứ, với 40 quân đóng ở ngoài thành. Tất cả rút xuống Hải Phòng, kể cả Dupuis. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:359)

Vua xuống lệnh Lương-Giáo không được hận thù nhau. (ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:360)

14/1/1874: Nguyễn Văn Tường báo cáo về việc Pháp trao trả ba tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Hà Nội.

16/1/1874: 250 binh sĩ TQLC từ Pháp qua tăng viện Hà Nội.

**18/1-16/2/1874: Tháng 12 Quý Dậu**

19/1/1874: Tự Đức ban Dụ khoan hồng cho tất cả những người từng theo Pháp.

- Cho lệnh Tường đòi Philastre, sau khi rút khỏi miền Bắc, bãi bỏ các chức tước do Garnier phong cho các giáo dân.

20/1/1874: Di tản 250 binh sĩ TQLC mới tăng cường.

- Nguyễn Văn Tường báo cáo: Pháp sẽ đóng lại ở Hải Dương (Hải Phòng)—Việc thông thương sẽ bàn lại ở Sài Gòn—Đoàn thuyền của Dupuis sẽ do Trú sứ Pháp trông coi (CBTĐ, XXVI:47-52).

21/1/1874: Tường báo cáo là vì Bó chính Nam Định [Phạm Văn Nghị] cho tay sai đốt phá các làng đạo, Pháp đòi trong 3 ngày phải giao nạp ngay, nếu không sẽ đánh Nam Định.



22/1/1874: Tường báo cáo văn thân và sĩ dân nổi lên đốt phá làng đạo ở phủ Lý Nhân, Hà Nội. Phải nhờ Pháp can thiệp vì trong tay không có quân đội.

Tháng 6/1875, lên chức Thượng thư Bộ Hộ, kiêm “Thương Bạc” tức Nha Ngoại Giao.

Năm sau, 1876, được phong tước Hiệp biện Đại học sĩ (một trong Tứ trụ triều đình).

1881: Cơ Mật viện trưởng. 2/1881: Bắt đầu thương thuyết với Pháp (Rheinart, rồi Philastre, de Champeaux).

Rheinart, một trong những người có công đầu trong việc thiết lập chế độ Bảo hộ Pháp ở Đại Nam nhận định về Nguyễn Văn Tường như sau:

Một người có giá trị lớn, thông minh, rất lịch thiệp, đầy nhiệt tình và rất xảo quyệt. Tuy nhiên không có quan điểm rộng rãi, và có những ý nghĩ khá chật hẹp. [Nguyên văn: "un homme d'une très grande valeur, intelligent, fort habile, nergique et très fourbe. *Mais il n'a pas de largeur de vues, et il a des idées quelque peu étroites;*" Báo cáo ngày 25/8/1885; SHAT (Vincennes), 10H xxx [3/d.8, tr.5].

Các giáo sĩ—đặc biệt là Giám mục Puginier—không ưa Nguyễn Văn Tường, phần nào vì đã phá vỡ giấc mơ Bắc Kỳ tự trị của họ trong thập niên 1870. Nhiều hơn một lần Puginier buộc tội Tường là kẻ thù không đội trời chung của Pháp, gian xảo, thủ đoạn, chỉ lo củng cố quyền lợi cá nhân. Những báo cáo mật của Puginier và các giáo sĩ—kê cả Gauthier (Hậu) và Caspar (Lộc)—ảnh hưởng sâu đậm trên các viên chức Pháp, đặc biệt là giới tướng lĩnh và sĩ quan Hải quân. (Xem thư ngày 17/7, 20/7, và 25/8/1885, Puginier gửi de Courcy; ASME (Paris), vol 816, doc. 46.)

Có 1 vợ chính ở quê nhà và 2 vợ nhỏ, con Tri phủ An-nhon là Nguyễn Khoa Hoè.

**Thứ Năm, 2/7/1885, \*** Huế, 11G00: Courcy tới Thuận An. Có Palasne de Champeaux và hai quan Việt nghênh đón.

\* 15G00: Courcy đáp thuyền vào Huế. Duyệt binh Pháp Việt. Có pháo binh chào mừng. Courcy yêu cầu triệu tập chính phủ Việt tại Toà Trú sứ vào ngày hôm sau. Sai thư ký của Toà Trú sứ đích thân gặp Nguyễn Văn Tường, chuyển lệnh này. Tường đồng ý, nhưng Thuyết nêu lý do bị đau có thể vắng mặt (10H xxx [21]).

Thứ Sáu, 3/7/1885: Courcy nhấn mạnh sẽ không trình ủy nhiệm thư nếu các quan Việt không đồng ý điều kiện của mình. Đồng thời cho lệnh tăng cường việc phòng thủ đồn Mang Cá cũng như Toà Trú Sứ.

Tại Mang Cá, có Đại đội 27 của Trung Đoàn 1/TQLC. Quân số gồm 4 sĩ quan và 185 lính.

Tại Toà Trú sứ có Đại đội 27(-) và 30 của Trung đoàn 4 TQLC (6 sĩ quan, 150 lính), và pháo đội 22 (2 sĩ quan, 28 lính, 6 súng sơn pháo 4, 6 súng 12 ly, 3 đại bác, 2 đại liên)

Nay Courcy mang theo **19 sĩ quan, 1024 lính**; đưa tổng số lực lượng lên **31 sĩ quan, 1387 người**, và **17 khẩu pháo**. Ngoài ra, còn pháo hạm *Javeline*, gồm 1 đại bác 16 ly, 1 súng cối (obusier), và 2 súng xoay.

Thứ Bảy, 4/7/1885: Courcy triệu tập một phiên họp các sĩ quan vào buổi tối. Giám mục Caspar mật báo rằng Thuyết mưu phục kích giết các sĩ quan Pháp trên đường trở về Mang Cá.

22G00: Các sĩ quan Pháp trở về đơn vị an toàn.

**Chủ Nhật, 5/7/1885**, 01G00: Sau 1 phát súng lệnh, quân Nguyễn đồng loạt tấn công đồn Mang Cá và Toà Trú sứ. Theo Courcy, có 15,000 quân Nguyễn đánh Mang Cá (1,237 lính Pháp), và khoảng 7,000 đánh toà Khâm (150 lính Pháp). Đốt được một phần trại binh, nhưng bị đẩy lui. Pháp binh Pháp phản công. Tàu *Javeline* bắn phá Đông Bắc thành.

- 04G45: Quân Pháp bắt đầu phản công.

- 07G40: Quân Việt bỏ chạy. Pháp làm chủ tình hình. Khoảng 1,200 tới 1,500 lính Việt chết. Pháp 11 chết (2 sĩ quan, 9 lính), 76 bị thương (5 sĩ quan, 71 binh sĩ). Pháo binh Pháp bắn 207 đạn 12 ly, 133 đạn sơn pháo 4, 530 đạn đại bác xoay, 500 đạn đại liên (10H xxx [21]).

- Thuyết dẫn Hàm Nghi và cung thất chạy ra Tân Sở (Quảng-Trị).

- Giám mục Caspar làm trung gian cho Nguyễn Văn Tường xin hàng. Courcy đồng ý, nhưng quân thúc Tường chặt chẽ.

13/7/1885 [2/6 Ất Dậu]: Từ Cam Lộ, Hàm Nghi xuống Hịch Cần Vương (giúp vua). [Bản dịch có thể tìm thấy trong Nguyễn Văn Huyền, *Phạm Thận Duật: Cuộc đời và tác phẩm* (Hà Nội: 1989), tr. 68-71]

17/7/1885: Courcy rời Huế. Họp các Tướng ở Hải Phòng.

Chủ Nhật, 19/7/1885: Courcy tới Đồng Hới. Đồ bộ 550 lính để ngăn chặn Hàm Nghi chạy ra Bắc.

Thứ Hai, 20/7/1885: Courcy xin thay Brière de l'Isle bằng Tướng E. Jamont. Cho Tường một tháng để ổn định tình hình (10H xxx [21]). [**Ngày 20/8/1885, De Courcy đề nghị đưa Chánh Mông lên thay Hàm Nghi (10H xxx [21]).**]

**Chủ Nhật, 30/8/1885: Courcy lại đề nghị đưa Chánh Mông (Ứng Kỳ), lên thay Hàm Nghi.** 4/9/1885: De Courcy trở lại Huế. Tặng viện cho Bình Định. 9/9/1885: Paris đồng ý Chánh Mông thay Hàm Nghi (10H xxx [21]).

De Courcy tuyên bố sẽ đưa Chánh Mông, một hoàng tử "đích truyền" [légitime], lên ngôi.

Thứ Bảy, 25/7/1885: Quân Pháp chốt chặn ở Vạn Xuân. Hàm Nghi và Thuyết phải quay về phía Nam.

Chủ Nhật, 26/7/1885: Phong trào đánh phá các làng Ki-tô bộc phát khắp nơi. Mạnh nhất ở Bình Định.

Thứ Tư, 29/7/1885: Hàm Nghi và Thuyết phải bỏ thành Quảng Trị, ra Cam Lộ, hướng về phía Lào.

**Thứ Năm, 30/7/1885 [Ti, 19/6 Ất Dậu]:** Silvestre cùng Palasne de Champeaux họp với triều đình và Tôn Nhân Phủ. Ký **Qui ước 30/7/1885**, phụ bổ cho Hòa ước 6/6/1884. (*Procès-verbal d'une conférence tenue à la Légation de France, à Hué, le 30 Juillet 1885*; SHAT (Vincennes), 10H xxx [21])

Thọ Xuân Vương **Miễn Định** làm Phụ chính; **Tường** làm Viện trưởng Cơ Mật; **Nguyễn Hữu Độ**, Kinh lược miền Bắc, kiêm Tổng đốc Hà Nội.

Đại cương, tất cả các tỉnh còn lại của Đại Nam (tức An-Nam và Bắc Kỳ) sẽ đặt dưới chung một thể chế bảo hộ. Sẽ không có thay đổi nào về guồng máy triều đình. Sẽ duy trì các cơ cấu Đại Nam, đặc biệt là luật pháp, đó là một thứ luật pháp nghi lễ (*rituelle*). Binh đội sẽ gồm lính bản xứ, với cấp chỉ huy Pháp, và cách tổ chức sẽ theo các Trung đoàn [lính tập] Bắc Kỳ đã thành lập. Ngoài ra còn có lực lượng trừ bị Pháp, tất cả đặt dưới quyền chỉ huy của Tổng Tư lệnh Pháp. Quân số sẽ qui định như sau: Tại An-Nam gồm 2 trung đoàn, mỗi trung đoàn có 4,000 người; 2,000 binh sĩ bản xứ khác, và 2,000 binh sĩ Pháp. Tại Bắc Kỳ có 4 Trung đoàn, mỗi trung đoàn 4,000 người. Ngoài ra, có 4,000 lính bản xứ khác, và 12,000 binh sĩ Pháp. Người Pháp sẽ kiểm soát và chỉ huy một cách tuyệt đối việc thu thuế, sử dụng những lợi tức công thuộc Pháp, mà không thay đổi gì nền hành chính An-nam.

**Ngân sách sẽ do chính phủ Bảo hộ thành lập, theo thứ tự sau: quan chức, phí tổn về quân sự bản xứ, kể cả cán bộ Pháp, chi phí về hành chính, chiến phí của đạo quân viễn chinh Pháp, và công chính. Thu nhập về quan thuế, bưu điện và điện tín sẽ bỏ vào quỹ Bảo hộ để lo trang trải phí tổn của các ngành này.**

Triều đình trung ương của An Nam sẽ được tái thiết lập trên những căn bản sau:

1. Thọ Xuân Vương **Miễn Định (1810-1886)**, con **thứ ba** Minh Mạng, Chủ tịch Tôn nhân phủ, làm Phụ chính (Régent, tức Giám quốc).

2. Viện Cơ Mật gồm bốn [4] đại thần, do **Nguyễn Văn Tường** làm Viện trưởng; **Nguyễn Hữu Độ**, Đệ nhất Phó chủ tịch; **Phan Đình Bình**, Đệ nhị Phó Chủ tịch; **Huỳnh Hữu Thường**, Cơ mật đại thân, Tham tri bộ Hộ. Ngoài ra còn hai Tham biện là **Hồ Lệ**, nguyên Tham biện Thương Bạc, Tham tri bộ Lại; và **Phạm Hữu Dụng**, Biện lý Bộ Binh.

3. **Triều đình rút còn năm [5] bộ:** Bộ Lại do **Nguyễn Văn Tường** kiêm quản; bộ Hộ, **Phan Đình Bình**; bộ Hình, **Nguyễn Thành Ý**; bộ Công, **Châu Đình Kế**; và bộ Lễ, **Đặng Đức Dịch**. Bộ Binh bị giải tán, nhưng theo đề nghị của Nguyễn Văn Tường, tạm giữ hai Biện lý Phạm Hữu Dụng và Trương Như Cương cùng một số quan lại để lo việc thành lập lính tập bản xứ.

4. **Nội Các** gồm **Nguyễn Kham, Lê Trinh, Tạ Thúc Dĩnh**; cả ba đều đã giữ chức vụ này dưới thời Hàm Nghi.

5. Bắc Kỳ: **Nguyễn Hữu Độ** được tấn phong **Võ Hiển Đại học sĩ**, giữ chức **Kinh lược miền Bắc**, kiêm **Tổng đốc Hà Nội**.

6. Pháp sẽ đặt **cố vấn** tại Bộ Hộ và Bộ Binh. **Khâm sứ Pháp sẽ tham dự các phiên họp triều đình. Tổng Trú sứ có quyền triệu tập hội đồng triều đình bất cứ lúc nào, và trong trường hợp này, sẽ chủ tọa.**

Ngay sau đó, Nguyễn Văn Tường sai Nguyễn Thành Ý, Tôn Thất Phan và Võ Khoa đi Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh tìm cách dò đón vua Hàm Nghi. (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976:234-35)

Miên Định là con thứ ba Minh Mạng; lúc nhỏ tên Yến. Mẹ họ Phạm, người huyện Tuy Viễn, Bình Định. Ngự tiền thân thân trong hai lễ phong vương của Thiệu Trị và Tự Đức. Pháp đặt làm Giám quốc từ tháng 7 tới tháng 9/1885. Chết năm 1886; *ĐNCBLT*, II:q.5; III:82-95.)

Miên Định cho lệnh các quan phải ra trình diện trong vòng 1 tháng, ai không tuân sẽ cách về dân tịch. Đồng thời Từ Dụ lại ra tuyên cáo kêu gọi Lương-Giáo ngừng chém giết lẫn nhau, và các tổ chức Cần Vương đừng nên mắc mưu gian thần Tôn Thất Thuyết. (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976:248, 244-46).

Tuy nhiên, **Qui ước 30/7/1885 không được Paris chấp thuận.** [*Xem 5/8/1885*]

Phong trào **Cần Vương** nổi lên khắp nơi:

**Nguyễn Thiên Thuật**, hay **Tán Thuật**, ở Bãi Sậy, Hải Dương, 1885-1892;

**Độc Tít**, ở Đông Triều, Hải Dương;

**Đề Kiêu**, Hưng Hoá;

**Độc Ngử**, Yên Thế, Thái Nguyên;

**Hoàng Hoa Thám**, Yên Thế, Thái Nguyên;

**Phan Đình Phùng** ở Nghệ An/Hà Tĩnh (1885-1896);

**Lê Ninh** và **Ám Võ** ở Hà Tĩnh (1885);

**Nguyễn Xuân Ôn** và **Lê Doãn Nhạ** ở Nghệ An và Thanh Hoá (1886);

**Phạm Bành**, **Đình Công Tráng**, **Hà Văn Mao** ở Ba Đình, Thanh Hoá (1886);

**Nguyễn Phạm Tuân** và **Lê Trực** ở Quảng Bình (1886);

**Trương Đình Hội** và **Nguyễn Tự Như** ở Quảng Trị (1885);

**Trần Văn Dự**, **Nguyễn Duy Hiệu** ở Quảng Nam;

**Mai Xuân Thưởng**, **Bùi Điều** và **Nguyễn Đức Nhuận** ở Bình Định (1885-1886).

Thứ Hai, 3/8/1885: Thuyết có mặt ở vùng núi nam Quảng Bình.

Thứ Ba, 4/8/1885: Quân Cần Vương chiếm thành Bình Định. Tàn sát giáo dân Ki-tô. Thứ Tư, 5/8/1885: Khoảng 2,000 tín đồ Ki-tô từ Bình Định chạy xuống Qui Nhơn, 21 cây số Nam Bình Định, xin tị nạn.

**Thứ Tư, 5/8/1885: Paris: Bộ Ngoại Giao đưa ý kiến về việc thay đổi ở An-Nam.**

1. Không phá hủy kinh thành Huế mà để lại một chính phủ Việt để dân chúng thấy có một chính quyền hợp pháp hiện hữu.

2. Duy trì tình trạng "phụ chính" chuyển tiếp, và chỉ thay Hàm Nghi trong trường hợp đã chọn xong các Thượng thư.

6/8/1885: Courcy và Négrier rời Huế ra Hải Phòng. Dịch tả đang hoành hành trong khu vực này.

7/8/1885: Có tin Hàm Nghi đang ở vùng Qui Hiệp (Koui heup?). Triều đình Huế cho lệnh truy đuổi.

Thứ Bảy, 8/8/1885: Quân Pháp chiếm Thanh Hoá. Tổng đốc tỉnh này có cảm tình với quân Pháp.

10/8/1885: Cảnh quân Chaumont chiếm Vinh không tiếng súng.

13/8/1885: Cánh quân của Trung tá Perrot xuống tàu ở Thuận An để ra Thanh Hoá.

20/8/1885: De Courcy đề nghị đưa Chánh Mông lên thay Hàm Nghi (10H xxx [21]).

27/8/1885: Quân Cần Vương đánh mạnh ở Bình Định.

Chủ Nhật, 30/8/1885: Courcy lại đề nghị đưa Chánh Mông (Ung Kỳ), lên thay Hàm Nghi. 4/9/1885: De Courcy trở lại Huế. Tặng viện cho Bình Định.

31/8/1885: Tặng viện Pháp tới Qui Nhơn, đưa tổng số lên 475 người. Trong tháng 8, Pháp chết 943 người, kể cả 581 người vì bệnh dịch tả (10H xxx [2]).

Thứ Ba, 1/9/1885: Cánh quân của Prudhome bắt đầu phản công ở Bình Định.

6/9/1885: Tường bị đẩy đi Côn Đảo. 26/10/1885: Sắc lên án Nguyễn Văn Tường—tội đồ; tịch biên tài sản.

Rheinart, một trong những người có công đầu trong việc thiết lập chế độ Bảo hộ Pháp ở Đại Nam nhận định về Nguyễn Văn Tường như sau:

Một người có giá trị lớn, thông minh, rất lịch thiệp, đầy nhiệt tình và rất xảo quyệt. Tuy nhiên ông ta không có quan điểm rộng rãi, và có những ý nghĩ khá chật hẹp. [Nguyên văn: "un homme d'une très grande valeur, intelligent, fort habile, énergique et très fourbe. *Mais il n'a pas de largeur de vues, et il a des idées quelque peu étroites;*" Báo cáo ngày 25/8/1885; SHAT (Vincennes), 10H xxx [3/d.8, tr.5].

Theo Rheinart, Nguyễn Văn Tường là một thứ "kẻ thù không đội trời chung [*ennemi irréconciliable*]" của Pháp. (Báo cáo ngày 25/8/1885; Ibid.) Các giáo sĩ—đặc biệt là Giám mục Paul Puginier—không ưa Nguyễn Văn Tường, phần nào vì đã phá vỡ giấc mơ Bắc Kỳ tự trị của họ trong thập niên 1870. Nhiều hơn một lần Puginier buộc tội Tường là kẻ thù không đội trời chung của Pháp, gian xảo, thủ đoạn, chỉ lo củng cố quyền lợi cá nhân. Những báo cáo mật của Puginier và các giáo sĩ—kê cả Gauthier (Hậu) và Caspar (Lộc)—ảnh hưởng sâu đậm trên các viên chức Pháp, đặc biệt là giới tướng lĩnh và sĩ quan Hải quân. (Xem thư ngày 17/7, 20/7, và 25/8/1885, Puginier gửi de Courcy; ASME (Paris), vol 816, doc. 46.)

Bởi thế, Paris chỉ thị Roussel de Courcy phải tiếp tục duy trì thí nghiệm Nguyễn Văn Tường, chờ ngày Hàm Nghi hồi cung. Nhưng sau hơn một tháng mà Nguyễn Văn Tường chưa chứng tỏ dấu hiệu nào sẽ đón được Hàm Nghi, và cũng không thể dẹp yên được phong trào Cần Vương.

Cá nhân Phụ chính Tường cũng lắm kẻ thù, đặc biệt là Giám mục Puginier và Nguyễn Hữu Độ, người "không có phong độ đại thần" nhưng "ngoan

ngoãn" (docile), được các giới chức Pháp hoàn toàn tin cậy.(49) Puginier, chẳng hạn, cố vấn de Courcy rằng cuộc tấn công đêm 4 rạng 5/7/1885 không chỉ do Đệ nhất Phụ chính Thuyết mưu định, vì Thuyết không đủ ảnh hưởng hay quyền lực để thực hiện một kế hoạch quan trọng và nguy hại như vậy. Theo Puginier, cả hai Phụ chính chủ mưu cuộc tấn công, với sự thỏa thuận của triều thần. Họ tin rằng sẽ chiến thắng hoặc gây thiệt hại lớn cho quân Pháp. Chỉ sau khi đã thất bại, họ mới bỏ chạy. Chính vào lúc này, Đệ nhất Phụ chính Tường xuất hiện, và bằng thủ đoạn xảo quyệt quen thuộc, Tường đối trá với de Courcy là không hề biết hay tham dự vào cuộc tấn công. Hai phụ chính Tường và Thuyết vốn chẳng ưa nhau, Puginier tiếp, nhưng vì mục đích chung chống Pháp, họ đã liên kết. Từ lâu Tường muốn loại Thuyết, nhưng không dễ thực hiện. Nhân cơ hội này, Tường muốn trút mọi trách nhiệm cho Thuyết để thu tóm quyền lực, qua danh nghĩa hoàng tộc. Dưới mắt Puginier, Tường là một đại gian hùng, kẻ thù không đội trời chung của Pháp. Puginier nhân mạnh:

Tướng quân chắc biết khá rõ ông Đệ nhất Phụ chính [Nguyễn Văn Tường], và sẽ không bị ông ta bịp bợm về những lời cam đoan vô tội hay thiện chí. Ông ta là kẻ thù của nước Pháp, kẻ thù hàng đầu, nguy hiểm nhất và không thể khoan nhượng nhất tại An-Nam. (50)

49. Thư ngày 15/4/1886, Warnet gửi Tổng Trú sứ [Bert]; SHAT (Vincennes), 10H xxx [44].

50. Thư ngày 17/7/1885, Puginier gửi Roussel de Courcy, dẫn trong J. Dupuis, *Le Tonkin de 1872 à 1886* (Paris: 1910), tr. 546-47.

Sự thù hận nung nấu từ giữa thập niên 1870 khiến Puginier chỉ còn thấy ở Tường và Thuyết những tham vọng quyền lợi bản thân, mà tăng lò và giảm thiểu khía cạnh ái quốc của hai Phụ chính cũng như giai cấp sĩ phu.(51)

51. Thời gian này các giáo sĩ và giới thông ngôn, lính tập cho Pháp còn lưu truyền bài về lãnh nhục Tường "gian," Thuyết "ngu." Hiện nay, con cháu những thành phần trung gian bản xứ trên tỉnh thoảng còn lập lại bài về này để bảo vệ và ca ngợi sự nghiệp tổ tiên họ.

Trước áp lực của các giáo sĩ Pháp, cùng sự cố vấn của Độ và Bình, ngày 20/8 de Courcy bắt đầu xin thay Nguyễn Phước Minh bằng Hoàng tử Chánh Mông.

Giữa lúc Paris chưa có quyết định, phong trào Cần Vương tiếp tục lan rộng. Tại Bình Định, quân Cần Vương chia nhau tổ chức phòng vệ từ Qui Nhơn tới chân núi và chốt chặn các đường đỉnh và đèo từ cửa biển Qui Nhơn ra tỉnh thành. Được tin trên ngày 26/8, ngay hôm sau Courcy cưỡi



tàu *Clôcherie* vào Qui Nhơn, mang theo một đại đội lính tập Bắc Kỳ. Ngày 28/8, Prud'homme cũng đưa thêm một đại đội TQLC và một trung đội pháo tới tăng viện. Ba ngày sau, cánh quân Prud'homme giải tỏa xong các chướng ngại vật quanh Qui Nhơn. Trong hai ngày kế tiếp, Prud'homme phá được hai chốt chặn trên đường ra Bình Định. Sáng ngày 3/9, khi thấy bóng quân Pháp, Tổng đốc Bình Định mở cửa thành đón tiếp. Theo tình quan này, thoát tiên quân Cần Vương chỉ chống giáo dân Ki-tô, sau mới đổi sang chống Pháp. De Champeaux cho rằng phần lỗi ở thái độ khiêu khích của các giáo sĩ và giáo dân (như phao tin mất thành Bình Định). Nhưng de Courcy chia xẻ quan điểm của Puginier, kết luận rằng **quân Cần Vương vốn sẵn thù hận Pháp**. Bởi thế, **de Courcy cho lệnh trừng phạt nặng nề, bất kể nghi can hay chính phạm. Quan trọng hơn cả là quyết định của de Courcy trên số mệnh Nguyễn Văn Tường**. Ngày 30/8, de Courcy lại xin thay Nguyễn Phước Minh bằng Ứng Kỳ.

Ngày 4/9, khi về tới Huế, de Courcy lại được tin quân Cần Vương đã chiếm hai thành Quảng Nam và Quảng Trị. Diễn biến cũng tương tự như ở Qui Nhơn: trước hết là sự xung đột giữa dân lương và giáo, biến thành những cuộc tàn sát, và rồi công khai nổi dậy. De Courcy bèn điều 200 TQLC Pháp vào tái chiếm thành Quảng Nam; và cho lệnh trừng phạt nặng nề, bất kể chính phạm hay chỉ nghi can. Đồng thời phái một đại đội lạp-binh (*chasseurs à pied*) ra tái chiếm Quảng Trị ngày 10/9. Sau đó, Courcy cho tăng viện thêm một đại đội Bắc Kỳ từ Đồng Hới vào. Khâm sai Chu Đình Kế và Hồ Lệ, trên đường từ Bình Định về kinh, được lệnh ghé Quảng Nam ổn định tình thế. Hồ Lệ được cử làm tuần phủ với Võ Xuân Cơ và Lê Văn Đạo phụ tá. De Courcy còn tăng cường 3 chiến hạm *Hugon*, *Comète* và *Lutin* cho Đà Nẵng và hai tàu *Chasseur*, *Lion* ở Qui Nhơn để phòng vệ duyên hải, đồng thời tăng cường hỏa lực cho bộ binh. Ngoài ra, chỉ định Tướng Prud'homme ở lại Huế hầu lo việc đánh dẹp. Cách nào đi nữa, số phận của Nguyễn Văn Tường đã định.

### III. THÍ NGHIỆM NGUYỄN PHƯỚC BIỆN (19/9/1885-28/1/1889):

Chánh Mông, tức Ứng Đường hay Kỳ (1863-28/1/1889), còn được biết như Mệ Trứ, là con nuôi thứ hai Nguyễn Phước Thời. Trong di chiếu năm 1883, Nguyễn Phước Thời không dấu sự thất vọng về tâm thuật Ứng Kỳ. Dưới triều Nguyễn Phước Minh, Ứng Kỳ cũng từng bị Tôn Thất Thuyết và Phạm Thận Duật giáng chức vì tội vắng mặt khỏi phủ 5 ngày.<sup>(52)</sup> Khi kinh thành biến loạn Ứng Kỳ, đã 22 tuổi, phiêu bạt ra ngoài ít lâu, rồi xin yết kiến de Courcy. De Courcy không tiếp, nhưng de Champeaux cho Kỳ tạm trú trong tòa Khâm một thời gian.

Tháng 7/1885, nhân dịp được Pháp đưa về Huế phụ tá Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Hữu Độ muốn lập Ứng Kỳ. Dù được Tường nâng đỡ dưới triều Nguyễn Phước Thời, Độ muốn nhân dịp này khuynh đảo triều đình và giải quyết một số thù hận cũ. Nguyên từ đầu thập niên 1880, Tường và Thuyết từng chê bai Độ là loại người "theo gió chuyển buồm," dựa vào thế lực Pháp và Puginier để lộng hành ở miền Bắc. Có lần, Tường và Thuyết đã hặc tội Độ lạm quyền bổ nhiệm Hoàng Cao Khải làm quyền Tuần phủ Lạng Sơn, và Nguyễn Huy Lâm, quyền Án sát, trong khi vùng cai quản của Độ giới hạn trong hai tỉnh Hà Nội và Bắc Ninh. Hiềm khích mới nhất là việc nhóm Tường-Thuyết quả trách Độ tội xây miếu thờ tổ tiên.<sup>(53)</sup> Sở dĩ Độ còn giữ được chức vụ—và mạng sống—chỉ nhờ lòng trung thành tuyệt đối với Pháp và giao tình với các giáo sĩ Ki-tô. Bởi thế, sau khi gặp mặt Tường ở Nha Thương Bạc, Độ từng đập bàn, to tiếng bài bác ý đưa Nguyễn Phước Minh trở lại ngai vàng của Tường. De Champeaux còn ủng hộ Tường, chống lại áp lực của Puginier đòi loại bỏ tất cả các quan lại cũ, nên gửi Độ trở lại Bắc Kỳ làm quyền Kinh lược sứ. Tại đây, Độ tìm được một đồng minh là Phan Đình Bình, cha vợ của cả phé đế Dục Đức lẫn Ứng Kỳ, trong kế hoạch phé Nguyễn Phước Minh, lập vua mới.

52. Do lời trình của phụ giáo Phạm Thận Duật, Kỳ bị giáng chức từ Kiên Giang quận công xuống làm Kiên Giang hầu; *DNTLCB*, V, 36:1883-1885, 1976:180.

53. *Ibid.*, 36:1883-1885, 1976:210-11, 213-14.

Trong khi đó, trước viễn ảnh Nguyễn Phước Minh sẽ chẳng bao giờ trở lại, Nguyễn Văn Tường đổi ý, cho đón Ứng Kỳ về ở phủ đệ Tĩnh Gia quận công như một lá bài dự bị. Miên Định cũng đồng ý. Nhưng de Courcy cảm thấy đã quá đủ với thí nghiệm Nguyễn Văn Tường. Ngày 20/8, rồi 30/8, de Courcy hai lần tiến cử Ứng Kỳ với Paris. Đồng thời cho Độ và Bình từ Bắc về Huế để thay Tường. Ngày 4/9, de Courcy trở lại Huế. Hai ngày sau, 6/9, Courcy bắt Tường giải vào Gia Định. Ngày này, Độ và Bình cũng về tới Huế. Độ được giao chức Cơ mật viện trưởng, trong khi Bình làm Thượng thư bộ Hộ, sau đổi nắm bộ Lại. <sup>(54)</sup>

54. *Ibid.*, 37:1885-1886, 1977:23; 36:1883-1885, 1976:247. Vũ Văn Báo làm Tổng đốc Định-An; Nguyễn Thành Ý làm Tổng đốc Hải-An; Hoàng Hữu Thường làm Hộ bộ hữu tham tri, sung Cơ Mật viện; *Ibid.*, 36:1883-1885, 1976:248.

Ngày 9/9, Paris mới chấp thuận lập Ứng Kỳ. Ngày này, de Courcy tuyên bố sẽ lập một hoàng tử "đích truyền" (légitime). <sup>(55)</sup> Ba ngày sau, 12/9 [mùng 4 tháng 8 Ất Dậu], Từ Dụ—nhân vật quyền thế nhất Hoàng tộc—ra



tuyên cáo về việc lập vua mới. Từ Dụ lại lên án "nghịch thần" Thuyết cưỡng ép ấu vương khôi hoàng thành, phá hoại giao tình bảo hộ Pháp-Việt đã có trên 20 năm. May nhờ chính phủ Bảo hộ đồng ý cho vua tiếp tục cai trị, và triều đình vẫn hoạt động như cũ, dưới quyền Giám quốc Miên Định. Nhưng mới đây chính phủ Pháp gửi điện văn yêu cầu không nên để trống ngôi vua quá lâu. Sau khi họp với de Courcy và Champeaux, nhóm Miên Định, Độ, Bình, cùng toàn thể các quan đã yêu cầu Từ Dụ lập Ưng "Đậu" (Kỹ) —tức Kiên Giang Quận Công, con thứ hai của Dực Tông, để lập mới "trung hưng." Phần Nguyễn Phước Minh, nếu trở lại, sẽ được tước Công và cho giữ gìn hương hỏa của Hường Cai.(56)

55. SHAT (Vincennes), 10H xxx [21]; *DNCBLT*, vol 2, bk 3, (1993), 3:61.

56. *DNTLCB*, V, 36:1883-1885, 1976:244-46, 249-51. Bản dịch Pháp ngữ tuyên cáo của Từ Dụ có thể tìm thấy trong SHAT (Vincennes), 10H xxx [43].

Tám giờ sáng ngày 14/9 [6/8 Át Dậu], Hoàng tử Kỹ (Đường) đi thuyền qua sông Hương để được phong vương. De Champeaux đón tự quân ở bờ sông, dẫn vào tòa Khâm cách đó khoảng 100 thước. Tại đây, Roussel de Courcy tuyên bố rất hân hạnh được đặt lên ngai một hoàng tử chính thống, có tinh thần hiếu hòa, và hiểu rõ sự cần thiết của nền đô hộ Pháp cho tương lai phú cường của vương quốc An-nam. Trong phần đáp từ, Ưng Kỹ hân hoan lập lại nhiều lần rằng tương lai An-Nam tuyệt đối tùy thuộc vào nước Pháp, và cảm tạ sự rộng lượng mà người Pháp đã đối xử với dân tộc Việt sau khi xảy ra cuộc tấn công "hèn nhát" (*lache*) của Thuyết. Sau đó de Courcy và de Champeaux đưa tự quân trở lại điện Thái Hòa, ở đó chỉ có sĩ quan Pháp hiện diện. Tại căn phòng rộng rãi này, đích thân Trung tá Metzinger, Tiểu đoàn trưởng TĐ 3 Zouaves, đã ra công thu góp một số món trân quý và họa phẩm bị mất cắp, sắp xếp, trang trí lại suốt hai tháng qua. Tự quân tuyên bố với de Courcy—nếu tin được de Courcy—rằng, dưới mắt vua, những châu báu, kho tàng chỉ thứ yếu, tình bạn và sự trợ giúp của nước Pháp còn trân quý hơn.(57) Năm ngày sau, 19/9, Ưng Kỹ chính thức đăng quang, lấy ngày 1/1 Bính Tuất làm Đổng Khánh nguyên niên. Vua được ban tên thánh là **Biện**.(58)

57. Báo cáo ngày 14/9/1885, Courcy gửi Bộ trưởng Chiến tranh; SHAT (Vincennes), 10H xxx [21]. Xem thêm báo cáo ngày 26/11/1906; CAOM (Aix), GGI, dossier 9577. Về vấn đề kho tàng bị thất thoát, xem thêm lời khiếu nại của Đổng Khánh với Constans ngày 3/8/1888—về chuỗi ngọc làm từ đời Gia Long đến đời Tự Đức mới hoàn thành, và thanh kiếm chạm ngọc của Gia Long—trong chú 30 supra.

58. *DNTLCB*, VI, 37:1885-1886, 1977:24. Chữ này, trên là "nhật," giữa chữ "mỗ," dưới chữ "chấp." Sau này, Nguyễn Phước Biện đổi ngày 1 tháng 10 Ất Dậu tức 7/11/1885 làm 1 tháng 10 năm Đồng Khánh; *Ibid.*, 37:1885-1886, 1977:28, 23. Tháng 11/1885, theo lời trình của Cao Hữu Sung, đổi tiếng "Cai tổng" thành "Chánh tổng" vì kiêng húy Hường Cai, cha ruột vua; *Ibid.*, 37:1885-1886, 1977:74. Một số địa danh có tên "đường" cũng bị đổi để tránh phạm húy.

Vừa lên ngôi Nguyễn Phước Biện đã vội viết thư cho "Đại Hoàng Đế" Pháp, hai lần "kính tạ" "ơn to" "bảo hộ tôn xã" Đại Nam. Nguyễn Phước Biện cũng qui mọi trách nhiệm cho Tường và Thuyết "giả mạo lộng quyền của nước, tự ý làm bậy." Để báo đáp cái ơn "bảo hộ," Nguyễn Phước Biện khẳng định, "nước tôi xin nhận quý quốc là thượng quốc," và xin phong tặng de Courcy tước Bảo hộ quận vương, Khâm sứ Palasne de Champeaux tước Bảo hộ công.(59) Để Nguyễn Phước Biện có tiền chi dùng, de Courcy trao trả 20,000 lạng bạc và 20,000 quan tiền. Tuy nhiên, kho tàng vẫn do quân Pháp canh giữ, mỗi tháng chiều số tiền gạo lương bổng mà phát.(60) 59. *Ibid.*, 37:1885-1886, 1977:32-4.

60. *Ibid.*, 37:1885-1886, 1977:34; QTCBTY, tr. 418. Ngày 13/11/1885, Pháp kết thúc việc kiểm kê tài sản triều đình—14.5 triệu, 682 ki-lô bạc ròng; Báo cáo ngày 23/2/1886 của Tướng Warnet; SHAT (Vincennes), 10H xxx [44]. Mãi tới tháng 6/1886, Pháp mới trao trả triều đình một nửa ngân khố—11 pounds vàng, 78,421 pounds tiền bạc và đồng (11 pound bằng 11 lạng, 8 đồng cân ta) —còn lại giao nộp về Pháp để đúc tiền trả lương lính tập trong hai năm và chi phí khác; *DNTLCB*, VI, 37:1885-1886, 1977:171; QTCBTY, tr. 422.

Ngay sau khi lên ngôi, Nguyễn Phước Biện đền ơn, trả oán khá phân minh. Độ được thăng chức Cần Chánh điện Đại học sĩ, sung Cơ mật viện, cố mệnh lương thân, kiêm sung Bắc Kỳ kinh lược sứ, tước Vĩnh Lại Bá. Bình làm cố mệnh lương thân, thăng Văn Minh điện Đại học sĩ, tá quốc huân thân, tấn phong tước Phù nghĩa tử. Vợ hai đại thần này đều được phong làm chánh Nhất phẩm phu nhân. Trong bản Dụ tuyên dương công trạng, Nguyễn Phước Biện viết:

[Gân] đây kinh thành bị mất, trong ngoài nghe thấy kinh sợ; thế mà hai đại thần lại biết hợp sức, cùng lòng, cùng với đồ thông, khâm sứ các đại thần nước Đại Pháp, cùng nhau tính liệu, khiến cho xã tắc gần nguy mà lại yên; nhân dân đã tán mà lại tụ, thì công lao, tài năng và lòng trung thành ấy, anh linh chín miếu ở trên thực soi thấu đến.(61)

61. *Ibid.*, 37:1885-1886, 1977:34-5.

Đề gây uy tín cho Nguyễn Phước Biện, de Courcy chấp thuận cho Độ tuyển chọn một số công tác viên trong số đại thần cự trào, từng nổi danh chủ chiến. Tại Huế, Nguyễn Thuật—dù có em theo Càn Vương—được giao nắm Thượng thư Bộ Hộ kiêm quản thị vệ. Đoàn Văn Hội, nguyên thượng thư Bộ Công hồi hưu, được nắm Bộ Hình. Đặng Đức Dịch làm Thượng thư Bộ Lễ; và, Chu Đình Kế, Bộ Công.(62) Hoàng Kế Viêm, cựu Thống chế Tam Tuyên, được vời về triều, cùng Nguyễn Phước Biện bàn thảo quốc sự. Nguyễn Thành Ý, Nguyễn Chánh, Trương Quang Dẫn đều được dùng. Sau đó, theo lời đề nghị của Nguyễn Hữu Độ, cử Lê Đĩnh làm Tổng đốc Hà Nội/Bắc Ninh; Hoàng Cao Khải, Tuần phủ Hưng Yên; Bùi Quang Thích, Tuần phủ Hưng Hoá; và, Vũ Ích Khiêm, Tuần phủ Ninh Bình. Hai nhân vật hợp tác với Pháp khác, Hoàng Cao Khải và Nguyễn Thân, cũng được trọng dụng—Khải được cử làm Tiểu Phủ sứ ở miền Bắc; trong khi Thân, Tiểu phủ sứ miền Trung. Nguyễn Trọng Hợp, quyền Kinh lược, được cử làm Tổng đốc Sơn-Hung-Tuyên; và, Nguyễn Tú, Tổng đốc Ninh-Thái.

62. Ibid., 37:1885-1886, 1977:24, 27.

Pháp cũng cho lệnh Nguyễn Phước Biện mạnh tay với nhóm chủ chiến (Ngày 28/9/1885, từ Hà Nội, de Courcy xin Paris đày Nguyễn Văn Tường cùng Phạm Thân Duật và Tôn Thất Đính đi một thuộc địa khác, vì uy tín Tường còn lớn, và Tường có thể trốn khỏi tù đảo này).(63) Ngày 26/10/1885, Nguyễn Phước Biện cách bỏ hết quan tước cùng tịch thu tài sản của Phụ chính Tường và Thuyết. Các con dòng vợ chính của Thuyết đều bị giết, ngoại trừ hai người đang theo hầu Hàm Nghi. Các con dòng thứ phải đổi qua họ Lê. (64) Nguyễn Phước Biện còn thu hồi quan tước của Trương Văn Đễ, đã xin hàng từ trước, cùng Trần Xuân Soạn, và cho lệnh bắt được Soạn hay Thuyết sẽ giết ngay. (65)

63. CAOM (Aix), Amiraux, 11785.

64. ĐNTLCB, VI, 37:1885-1886, 1977:35; V, 36:1883-1885, 1976:247. Theo báo cáo của Thiếu tá L. Legrand, hạm trưởng "avisos" vận tải La Dives, vì lớn tuổi, Đề đốc Đính chết trong đêm 29 rạng 30/11/1885, trên tàu. Cho tới ngày 2/12/1885, Phạm Thân Duật vẫn còn khoẻ mạnh; CAOM (Aix), Amiraux 11785. Tài liệu Nguyễn, chính xác hơn, ghi Thượng thư Duật chết bệnh trên tàu, xác bị ném xuống biển; ĐNTLCB, 37:? ; Duật 1989:79. Nguyễn Văn Tường tới Papeete vào tháng 2/1886. Năm tháng sau, ngày 30/7/1886, chết vì ung thư cổ; Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu, Tập III: Nhân Vật Chí*, tái bản có bổ sung (Houston: Văn Hoá, 1997).

65. ĐNTLCB, VI, 37:1885-1886, 1977:35. Văn Đễ là con Trương Đăng Quế, em Quang Dẫn. Sau ốm chết ở Quảng Trị. Năm Thành Thái thứ hai

(1890), Quang Dẫn xin hồi phục chức tước cho Đễ. Xem *DNCBLT*, q. 22, III, tr. 424-6.

Vua cũng sắp xếp lại nội cung. Vương phi Trần Đăng thị được cử làm quan phi; con gái Bình làm giai phi. Ít tháng sau, ngày 16/2/1886 "nạp" thêm con gái thứ ba của Độ; và, để mua lòng Độ, phong con gái Độ làm "Hoàng Quý phi," "kiêm nhiếp lục viện." (66)

66. *DNCBLT*, II, q. 39 (1993), 4:362; *DNTLCB*, VI, 37:1885-1886, 1977:110-2. Trước kia, Nguyễn Phước Biện đã lấy con gái Hậu quân Nguyễn Diệm, sinh được một gái, nhưng mới chết. Ibid. [Ngày 8/10/1885 [1 tháng 9 Bính Tuất], sinh ra Bửu Đảo; 37:1885-1886, 1977:43)]

Ngoài ra, cử Cao Hữu Sung, hiệp lý Thủy sư, và Nguyễn Lữ, biện lý Bộ Hình, ra Quảng Trị lo việc bình định "giặc" Cần Vương.

23/11/1885: Bị đày đi Tahiti. 2/1886: Tới Papeete. Hơn 8 tháng sau, chết lúc 4G30 ngày 30/7/1886 vì ung thư cổ họng. Cuối năm 1886, xác bị hỏa thiêu, đưa về nước. (*Journal Officiel de Tahiti*, 5/8/1886, tr. 202; dẫn trong Adolphe Delvaux, "La Mort de Nguyen Van Tuong, Ancient Regent d'Annam;" *BAVH*, No. 4 (1923), tr. 427-432 [tr.430-432 [có giấy khai tử]])

## ƯNG ĐƯỜNG

**x Xem Ứng Kỹ; Xem thêm Nguyễn Phước Biện (19/9/1885-28/1/1889)**

Tức Mẹ Trứu. Con nuôi thứ hai Tự Đức. Thường được biết như Hoàng tử Chánh Mông—con Kiến Thái vương Hoàng Cai. Anh Kiến Phước và Hàm Nghi.

**Vũ Ngự Chiêu, Ph.D., J.D.**

Kính mời đọc thêm những biên khảo của tác giả tại:  
<http://www.vietnamvanhien.org/chinhdao.html> [<= bấm vào]

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

